

UBND HUYỆN SƠN TÂY
TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS SƠN LONG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

QUẢNG NGÃI - NĂM 2024

UBND HUYỆN SƠN TÂY
TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS SƠN LONG

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

TT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Thị Minh Hoa	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng	
2	Nguyễn Văn Cẩm	Phó hiệu trưởng	P.Chủ tịch Hội đồng	
3	Võ Duy Tin	Phó hiệu trưởng	P.Chủ tịch Hội đồng	
4	Đặng Trung Thắng	Tổ trưởng tổ TN	Thư ký Hội đồng	
5	Võ Thi Nỉ	Tổ trưởng tổ XH	Ủy viên Hội đồng	
6	Phan Thị Lệ	Tổ trưởng tổ 1	Ủy viên Hội đồng	
7	Nguyễn Thị Văn	Tổ trưởng tổ 2, 3	Ủy viên Hội đồng	

8	Bùi Thị Mỹ Hiếu	Tổ trưởng tổ 4, 5	Ủy viên Hội đồng	
9	Lê Thị Phương Thảo	Bí thư Chi đoàn	Ủy viên Hội đồng	
10	Trần Văn Phi	Tổng phụ trách Đội	Ủy viên Hội đồng	
11	Đinh Thị Tài	Tổ phó tổ TN	Ủy viên Hội đồng	
12	Võ Hữu Hiếu	Tổ phó tổ XH	Ủy viên Hội đồng	
13	Tống Thị Viện	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
14	Phan Tố Duy	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
15	Hồ Thị Minh Tâm	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
16	Lê Quang Hải	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
17	Nguyễn Thị Cẩm Ly	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
18	Đinh Thị Thiên	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
19	Nguyễn Thị Hoanh Kiều	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
20	Đinh Thị Dương	Giáo viên	Ủy viên Hội đồng	
21	Ngô Thị Bích Ngọc	Nhân viên	Ủy viên Hội đồng	

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	1
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	2
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	4
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	13
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	13
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	15
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	15
Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường.	15
Mở đầu	15
Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường.	16
Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.	19
Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.	22
Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng.	24
Tiêu chí 1.5: Lớp học.	28
Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản.	31
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên.	34
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục.	37
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.	39
Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học.	42
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	45

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.	47
Mở đầu	47
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.	47
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên.	50
Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên.	53
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh.	56
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	58
Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học.	59
Mở đầu	59
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập.	60
Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập.	62
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị.	65
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước.	67
Tiêu chí 3.5: Thiết bị.	69
Tiêu chí 3.6: Thư viện.	72
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	74
Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội.	75
Mở đầu	75
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh.	76
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường.	79
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	82
Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục.	83
Mở đầu	83

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông.	84
Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.	88
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định.	91
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp.	93
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh.	96
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục.	99
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	103
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	104
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	108
Phần IV. BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG	109

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Nội dung
UBND	Ủy ban nhân dân
PTDTBT	Phổ thông Dân tộc Bán trú
TH&THCS	Tiểu học và Trung học cơ sở
THCS	Trung học cơ sở
THPT	Trung học phổ thông
GD&ĐT	Giáo dục và Đào tạo
GVCN	Giáo viên chủ nhiệm
GVBM	Giáo viên bộ môn
GVDG	Giáo viên dạy giỏi
CSTĐ	Chiến sĩ thi đua
LĐTT	Lao động tiên tiến

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chuẩn 1				
Tiêu chí 1.1		x	x	
Tiêu chí 1.2		x	x	
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	
Tiêu chí 1.5		x	x	x
Tiêu chí 1.6		x	x	
Tiêu chí 1.7		x	x	
Tiêu chí 1.8		x	x	
Tiêu chí 1.9		x	x	
Tiêu chí 1.10		x	x	
Tiêu chuẩn 2				
Tiêu chí 2.1		x	x	
Tiêu chí 2.2		x	x	
Tiêu chí 2.3		x	x	
Tiêu chí 2.4		x	x	
Tiêu chuẩn 3				
Tiêu chí 3.1		x	x	
Tiêu chí 3.2		x	x	

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	
Tiêu chí 3.5		X	X	
Tiêu chí 3.6		X	X	
Tiêu chuẩn 4				
Tiêu chí 4.1		X	X	
Tiêu chí 4.2		X	X	
Tiêu chuẩn 5				
Tiêu chí 5.1		X	X	
Tiêu chí 5.2		X	X	X
Tiêu chí 5.3		X	X	
Tiêu chí 5.4		X	X	
Tiêu chí 5.5		X	X	
Tiêu chí 5.6		X	X	

Kết quả: Đạt mức 2

2. Kết luận: Đạt mức 2

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS SƠN LONG

Tên trước đây: TRƯỜNG PTDTBT TH&THCS SƠN LONG

Cơ quan chủ quản: UBND HUYỆN SƠN TÂY

Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương	Quảng Ngãi	Họ và tên hiệu trưởng	Nguyễn Thị Minh Hoa
Huyện/quận/thị xã/ thành phố	Sơn Tây	Điện thoại	0378675579
Xã/phường/thị trấn	Sơn Long	Fax	
Đạt CQG	Chưa đạt	Website	ptdtbtththcssonlongstay.quangngai.edu.vn
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	2020	Số điểm trường	02
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt	x	Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	x
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học

Số lớp học	Năm học				
	2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
Khối lớp 1	5	5	5	4	2
Khối lớp 2	5	5	4	3	3
Khối lớp 3	2	2	2	2	2
Khối lớp 4	2	2	2	2	2
Khối lớp 5	2	2	2	2	2
TC TH	16	16	15	13	11
Khối lớp 6	2	2	2	1	2
Khối lớp 7	2	2	2	2	1
Khối lớp 8	2	2	2	2	2
Khối lớp 9	2	2	2	2	2
TC THCS	8	8	8	7	7
Tổng cộng	24	24	23	20	18

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường

TT	Số liệu	Năm học					Ghi chú
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
I	Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập	21	26	26	26	30	
1	Phòng học	20	22	22	22	18	
a	Phòng kiên cố	20	22	22	22	18	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	2	

c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
2	Phòng học bộ môn	1	4	4	4	6	
a	Phòng kiên cố	1	4	4	4	6	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
3	Khối phục vụ học tập	2	2	2	2	6	
a	Phòng kiên cố	2	2	2	2	6	
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
II	Khối phòng hành chính - quản trị	1	1	1	1	7	
1	Phòng kiên cố	1	1	1	1	7	
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	
III	Thư viện	1	1	1	1	2	
IV	Các khối phòng chức năng khác	12	12	14	14	22	

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm tự đánh giá:

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	1	1	1	0	1	0	
Phó hiệu trưởng	2	0	0	0	2	0	
Giáo viên	33	22	11	0	32	1	

Nhân viên	11	7	8	0	9	2	
Cộng	47	30	20	0	44	3	

b) Số liệu của 5 năm gần đây:

TT	Số liệu	Cấp học	Năm học				
			2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024
1	Tổng số giáo viên	TH	22	17	15	15	17
		THCS	19	16	16	19	16
2	Tỷ lệ giáo viên/lớp	TH	1,4	1,1	1,0	1,2	1,5
		THCS	2,4	2,0	2,0	2,7	2,3
3	Tỷ lệ giáo viên/học sinh	TH	0,09	0,08	0,08	0,08	0,07
		THCS	0,1	0,08	0,08	0,11	0,09
4	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên	TH	0	2	0	3	0
		THCS	0	3	0	5	0
5	Tổng số giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh trở lên	TH	0	0	0	0	0
		THCS	0	0	0	2	0

4. Học sinh

4.1. Cấp Tiểu học

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học					Ghi chú
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Tổng số học sinh	260	249	254	261	238	
	- Nữ	138	124	124	128	110	
	- Dân tộc thiểu số	259	248	252	260	236	

	- Khối lớp 1	55	55	62	51	36	
	- Khối lớp 2	54	52	51	62	47	
	- Khối lớp 3	43	53	48	48	63	
	- Khối lớp 4	49	41	53	48	45	
	- Khối lớp 5	59	48	40	52	47	
2	Tổng số tuyển mới	45	48	59	46	29	
3	Học 2 buổi/ ngày	260	249	254	261	238	
4	Bán trú	191	184	188	211	198	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	16	16	17	20	22	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	260 100%	249 100%	254 100%	261 100%	238 100%	
	- Nữ	138	124	124	128	110	
	- Dân tộc thiểu số	259	248	252	260	236	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/tỉnh	0	1	1	1	2	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	148	132	131	224	116	
	- Nữ	73	69	68	113	97	
	- Dân tộc thiểu số	147	131	130	223	116	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn	0	0	0	0	0	

	cảnh đặc biệt						
12	Tổng số học sinh hoàn thành CTTH	59	48	40	52	47	
	- Nữ	36	26	21	29	23	
	- Dân tộc thiểu số	59	47	40	52	47	

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

Số liệu	Năm học					Ghi chú
	2019 - 2020	2020 - 2021	2021 - 2022	2022 - 2023	2023 - 2024	
Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỉ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	45 100%	48 100%	59 100%	46 100%	29 100%	
Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học	244/260 93,8%	241/249 96,8%	247/254 97,2%	255/261 97,7%	233/238 97,9%	
Tỷ lệ học sinh 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	50/59 84,7%	39/48 81,3%	32/40 80%	40/52 76,9%	34/47 72,3%	
Tỷ lệ học sinh 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	100%	100%	100%	100%	100%	

4.1. Cấp Trung học cơ sở

a) Số liệu chung

TT	Số liệu	Năm học					Ghi chú
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
1	Tổng số học sinh	191	199	192	178	181	
	- Nữ	86	101	94	92	100	
	- Dân tộc thiểu số	190	198	190	177	180	

	- Khối lớp 6	44	55	45	35	47	
	- Khối lớp 7	50	44	55	45	34	
	- Khối lớp 8	50	49	43	55	46	
	- Khối lớp 9	47	51	49	43	54	
2	Tổng số tuyển mới	44	55	45	35	47	
3	Học 2 buổi/ ngày	191	199	192	178	181	
4	Bán trú	127	131	117	122	118	
5	Nội trú	0	0	0	0	0	
6	Bình quân số học sinh/lớp	0	21	19	20	22	
7	Số lượng và tỷ lệ % đi học đúng độ tuổi	191 100%	199 100%	192 100%	178 100%	181 100%	
	- Nữ	86	101	94	92	100	
	- Dân tộc thiểu số	190	198	190	177	180	
8	Tổng số học sinh giỏi cấp huyện/ tỉnh	0	0	2	2	1	
9	Tổng số học sinh giỏi quốc gia	0	0	0	0	0	
10	Tổng số học sinh thuộc đối tượng chính sách	72	82	75	134	140	
	- Nữ	37	43	41	74	84	
	- Dân tộc thiểu số	72	82	75	134	140	
11	Tổng số học sinh (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	0	0	0	0	0	
12	Tổng số học sinh	47	51	49	43	54	

	tốt nghiệp THCS						
	- Nữ	16	28	21	19	31	
	- Dân tộc thiểu số	47	51	48	43	54	

b) Kết quả giáo dục

* Các lớp học theo chương trình VNEN:

Số liệu		Năm học					Ghi chú
		2019-2020	2020-2021	2021-2022	2022-2023	2023-2024	
Tỷ lệ học sinh về phẩm chất	Tốt	120/191 62,8%	131/199 65,8%	105/147 71,4%	72/98 73,5%	40/54 74,1%	
	Đạt	61/191 31,9%	57/199 28,6%	42/147 28,6%	26/98 26,5%	14/54 25,9%	
	Cần cố gắng	10/191 5,3%	11/199 5,6%	0/147 0%	0/98 0%	0/54 0%	
Tỷ lệ học sinh về năng lực	Tốt	45/191 23,6%	51/199 25,6%	33/147 22,4%	46/98 46,9%	26/54 48,1%	
	Đạt	138/191 72,3%	137/199 68,8%	108/147 73,5%	52/98 53,1%	28/54 51,9%	
	Cần cố gắng	8/191 4,1%	11/199 5,6%	6/147 4,1%	0/98 0%	0/54 0%	
Tỷ lệ học sinh về KQHT	Hoàn thành tốt	3/191 1,6%	5/199 2,5%	6/147 4,1%	8/98 8,2%	4/54 7,4%	
	Hoàn thành	180/191 94,2%	183/199 92%	135/147 91,8%	90/98 91,8%	50/54 92,6%	
	Chưa hoàn thành	8/191 4,2%	11/199 5,5%	6/147 4,1%	0/98 0%	0/54 0%	

* Các lớp học theo chương trình GDPT 2018:

Số liệu		Năm học			Ghi chú
		2021-2022	2022-2023	2023-2024	
Tỷ lệ học sinh về rèn luyện	Tốt	30/45 66,7%	55/80 73,5%	94/127 74%	
	Khá	13/45 43,3%	25/80 26,5%	33/127 26%	
	Đạt	2/45 4,4%	0/98 0%	0/127 0%	
	Chưa đạt	0/45 0%	0/98 0%	0/127 0%	
Tỷ lệ học sinh về học tập	Tốt	2/45 4,4%	5/80 6,3%	11/127 8,7%	
	Khá	10/45 22,2%	24/80 30%	32/127 25,2%	
	Đạt	33/45 73,4%	51/80 63,7%	84/127 66,1%	
	Chưa đạt	0/45 0%	0/80 0%	0/127 0%	

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Long được thành lập trên cơ sở sáp nhập trường Tiểu học Sơn Long và trường PTDTBT THCS Sơn Long theo Quyết định số 2203/QĐ-UBND ngày 25/12/2019 của Chủ tịch UBND huyện Sơn Tây. Trường đóng trên địa bàn thôn Ra Pân, xã Sơn Long, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Long có tổng diện tích 12578 m² với 02 điểm trường. Nhà trường có các khối phòng học, phòng học bộ môn, khối phòng phục vụ học tập, khối phòng hành chính - quản trị, khối phòng phục vụ công tác bán trú, tường rào, cổng ngõ,... đáp ứng tốt các hoạt động giảng dạy, giáo dục học sinh theo quy định và có đầy đủ các tổ chức như: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Ban Đại diện cha mẹ học sinh luôn hoạt động hiệu quả, đúng vai trò, chức năng, quyền hạn hỗ trợ các hoạt động của nhà trường.

Trong những năm qua, trường PTDTBT TH&THCS Sơn Long đã từng bước khẳng định chất lượng toàn diện trong toàn huyện. Trường luôn chú trọng công tác giáo dục, nâng cao kết quả học tập của học sinh. Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ. Trường có nhiều cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, nhiều giáo viên được công nhận giáo viên dạy giỏi cấp huyện, cấp tỉnh. Trường luôn quan tâm, đầu tư, tham gia đạt thành tích trong các hội thi các cấp tổ chức. Phong trào thể dục, thể thao, nghệ thuật, công tác giáo dục kỹ năng sống cho học sinh được nhà trường duy trì, phát triển.

Nhà trường đang từng bước được đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị tối

thiếu phục vụ công tác giảng dạy và giáo dục học sinh. Công tác an ninh, an toàn trường học luôn được nhà trường đặt lên hàng đầu, mang lại môi trường học tập tốt nhất cho học sinh, cảnh quan sư phạm xanh - sạch - đẹp - an toàn - thân thiện.

Năm học 2023 - 2024, nhà trường có 47 cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (trong đó có 03 cán bộ quản lý, 33 giáo viên và 11 nhân viên) trình độ đạt chuẩn và trên chuẩn. Tổng số học sinh toàn trường là 419 em được chia thành 18 lớp; (bậc Tiểu học: 11 lớp với 238 học sinh, bậc THCS: 07 lớp với 181 học sinh), tỉ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học và tốt nghiệp THCS đạt 100%.

2. Mục đích tự đánh giá

Căn cứ thông tư 18/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường đã xác định rõ mục tiêu, ý nghĩa của công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục. Trường xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm đánh giá mọi mặt của nhà trường thay đổi, đổi mới căn bản, toàn diện, đáp ứng được yêu cầu hiện nay.

Thông qua tự đánh giá, nhà trường kiểm tra, tìm ra những điểm mạnh, điểm yếu theo các tiêu chí, từ đó xây dựng, cải tiến chất lượng để bổ sung, hoàn thiện chất lượng toàn diện.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động tự đánh giá

Quá trình tự đánh giá đã được thực hiện đúng Công văn hướng dẫn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, đảm bảo tính dân chủ, khách quan, công khai và khoa học. Trong quá trình tự đánh giá, Hội đồng tự đánh giá có phân công và xây dựng kế hoạch cụ thể. Để đảm bảo tính trung thực trong báo cáo, trường đã thu thập các minh chứng là bằng chứng cho thấy các hoạt động của nhà trường, sự phấn đấu vươn lên của tập thể cán bộ quản lý,

giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường trong những năm qua.

Những vấn đề nổi bật trong báo cáo tự đánh giá là: Báo cáo được trình bày lần lượt từng tiêu chí của từng tiêu chuẩn theo các mức 1, 2, 3. Mỗi tiêu chí đều được mô tả chi tiết, cụ thể hiện trạng của nhà trường trong các năm qua. Sau khi mô tả hiện trạng, báo cáo tự đánh giá đề cập tới những điểm mạnh, điểm yếu và xây dựng kế hoạch cải tiến, phát huy những điểm mạnh, đề ra các biện pháp khắc phục điểm yếu, tuy ngắn gọn nhưng rõ ràng và đúng thực tế.

Với sự tập trung cao độ trong thời gian dài của từng thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, từng nhóm phụ trách tiêu chuẩn và của toàn thể Hội đồng tự đánh giá đã xác định mức độ, vị trí nhà trường với giáo dục của địa phương trong kế hoạch phát triển giáo dục của nhà trường trong các năm học tiếp theo, đây là nền tảng cơ bản để nhà trường phấn đấu, đăng ký đánh giá ngoài kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục và xây dựng trường chuẩn đạt chuẩn quốc gia.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu:

Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Long được thành lập năm 2020, trường có đủ cơ cấu tổ chức theo quy định của Điều lệ trường TH&THCS. Trường có Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, Hội đồng tư vấn (về chuyên môn, quản lý nhà trường), các tổ chuyên môn, Tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên Tiền Phong Hồ Chí Minh và có đủ giáo viên bộ môn. Các tổ chức, đoàn thể và Hội đồng trường hoạt động đúng theo quy định của Điều lệ trường tiểu học, trung học cơ sở và các quy định hiện hành. Trường thực hiện đầy đủ các hoạt động quản lý, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá theo đúng quy chế, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường. Các hoạt động giáo dục luôn được quan tâm đúng mức, được thông qua Hội đồng nhà trường thường niên theo kế hoạch để điều chỉnh và bổ

sung trong từng học kỳ, từng năm học. Thực hiện công khai, minh bạch, thực hiện quy chế dân chủ cơ sở tại nhà trường luôn được triển khai đầy đủ với mục đích phát huy dân chủ, tinh thần trách nhiệm sáng tạo của tập thể, chú trọng về công tác an ninh, an toàn trường học, tạo môi trường học tập thân thiện cho học sinh, đem lại sự yên tâm và sự tín nhiệm của cha mẹ học sinh, cộng đồng nhân dân trong những năm gần đây.

Căn cứ trên tình hình thực tế, Hội đồng tự đánh giá của cơ sở giáo dục trường PTDTBT TH&THCS Sơn Long tự đánh giá 10 tiêu chí trong Tiêu chuẩn 1 cụ thể như sau:

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, trang thông tin điện tử của phòng giáo dục và đào tạo, sở giáo dục và đào tạo.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học

sinh và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong mỗi giai đoạn, nhà trường đều xây dựng kế hoạch chiến lược phát triển mang tính lâu dài và ổn định. Nội dung chiến lược của nhà trường giai đoạn 2020 - 2025 phù hợp với mục tiêu của giáo dục phổ thông được quy định tại Luật giáo dục hiện hành, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn, phù hợp với các nguồn lực của trường; nhằm giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo; có kiến thức nền tảng và những hiểu biết ban đầu về kỹ thuật và hướng nghiệp để tiếp tục học THPT, học nghề hoặc đi vào cuộc sống lao động. Kế hoạch chiến lược phù hợp với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Sơn Long nhiệm kỳ 2020 - 2025, Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân xã Sơn Long về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hằng năm, kế hoạch chiến lược cũng phù hợp điều kiện thực tế về đội ngũ, tài chính, cơ sở vật chất của nhà trường theo từng năm học. Các kế hoạch, chỉ tiêu, biện pháp và các văn bản chỉ đạo của các cấp về công tác giáo dục được nhà trường triển khai đến cán bộ, giáo viên, nhân viên được thể hiện trong sổ Nghị quyết nhà trường và Nghị quyết Hội nghị viên chức và người lao động hằng năm [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

Kế hoạch chiến lược của nhà trường được Phòng GD&ĐT Sơn Tây phê duyệt, đồng thời các vấn đề giáo dục của địa phương được đưa vào trong Nghị quyết của Đảng bộ xã Sơn Long, Hội đồng nhân dân xã Sơn Long về chỉ tiêu phát triển, định hướng phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục của địa phương [H1-1.1-01]; [H1-1.1-03]; [H1-1.1-04].

Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường được xác định bằng văn bản, niêm yết công khai tại bảng tin, đăng tải trên website của nhà trường và thông báo rộng rãi đến cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và nhân dân được biết. Trong quá

trình thực hiện, trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược, hiệu quả của việc thực hiện chiến lược, chất lượng và hiệu quả đào tạo hàng năm, so sánh, đối chiếu sự chuyển biến chất lượng giáo dục qua các năm được thể hiện đánh giá trong các báo cáo sơ kết, tổng kết năm học [H1-1.1-01]; [H1-1.1-02]; [1.1-07]; [1.1-08].

Mức 2:

Trong quá trình xây dựng, triển khai và thực hiện phương hướng chiến lược phát triển, nhà trường luôn rà soát, đề ra những giải pháp giám sát bổ sung sao cho phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và định hướng phát triển kinh tế, xã hội của địa phương [H1-1.1-01]; [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường đều lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng trường, cha mẹ học sinh, bổ sung, điều chỉnh phương hướng chiến lược phát triển được thể hiện trong biên bản của Hội đồng trường, sở Nghị quyết của Hội đồng trường và Nghị quyết của Hội nghị viên chức và người lao động để rà soát kế hoạch, bổ sung chiến lược phát triển nhà trường [H1-1.1-05]; [H1-1.1-06]; [H1-1.1-09]. Tuy nhiên, do đặc thù vùng miền, điều kiện của địa phương nên việc huy động các nguồn lực, sự đóng góp ý kiến của nhân dân, Ban đại diện cha mẹ học sinh vào kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường đạt hiệu quả chưa cao.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường được xây dựng phù hợp với thực tiễn với mục tiêu giáo dục của trường có 02 cấp học, cũng như phù hợp với tình hình cơ sở vật chất, tài chính của nhà trường và phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã nhà. Kế hoạch chiến lược được cấp có thẩm quyền phê duyệt, được thông báo công khai và lưu trữ hàng năm, kế hoạch thể hiện đầy đủ các hoạt động từng tháng, từng học kỳ, cả năm cũng như phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trong quá trình thực hiện việc xây dựng và phát triển kế hoạch chiến lược của nhà trường có sự tham gia đóng góp ý kiến của Hội cha mẹ học sinh nhưng chưa thể hiện rõ trong biên bản. Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường chưa được nhiều cha mẹ học sinh quan tâm, ít tham gia vào các hoạt động giáo dục cùng nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tiếp theo, nhà trường cần tổ chức rà soát, đối chiếu lại các nội dung để điều chỉnh chiến lược, tập hợp các nguồn nhân lực hỗ trợ, huy động sự đóng góp ý kiến của cha mẹ học sinh vào phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường, nghiên cứu kỹ định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, đồng thời có tầm nhìn và dự báo tình hình phát triển của nhà trường, địa phương để xác định các mục tiêu của chiến lược phù hợp với tình hình thực tế.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác

Mức 1:

a) Được thành lập theo quy định;

b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;

c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hội đồng trường được thành lập theo Quyết định của UBND huyện Sơn Tây. Hằng năm, Hội đồng trường có ban hành Nghị quyết, xây dựng triển khai thực hiện kế hoạch từng năm học. Hội đồng trường đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo Thông tư 32/2020/TT-BGDĐT bao gồm xây dựng kế hoạch và quy chế hoạt động; nghị quyết hằng năm. Hiệu trưởng đã ra quyết định thành lập Hội đồng, Tổ, Ban khác hỗ trợ các hoạt động của nhà trường như: Hội đồng Thi đua - Khen thưởng; Tổ tư vấn tâm lí; Tổ quản lí bán trú; Hội đồng chăm sóc kiến; Hội đồng chấm thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp trường; Hội đồng tuyển sinh; Hội đồng xét tốt nghiệp [H2-1.2-01].

Hội đồng trường và các Hội đồng, các Tổ khác thực hiện đúng chức năng và quyền hạn theo quy định tại Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học [H2-1.2-01]; [H2-1.2-02]; [H2-1.2-03]; [H2-1.2-04]; [1.2-05]; [H2-1.2-06].

Hội đồng trường họp thường kỳ ba lần trong một năm. Trong các cuộc họp đều có đầy đủ các thành viên tham gia. Quyết nghị của Hội đồng trường được thông qua bằng biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản tại cuộc họp và được đa số thành viên có mặt tại cuộc họp nhất trí. Quyết nghị của Hội đồng trường được công bố công khai trước Hội đồng. Hội đồng trường có kế hoạch hoạt động và quy chế hoạt động cụ thể. Sau mỗi kì và cuối năm học đều có sơ kết, tổng kết chất lượng giáo dục qua mỗi năm đều được nâng cao [H2-1.2-02]; [H2-1.2-04].

Mức 2:

Hội đồng trường họp thường kỳ ba lần trong một năm. Trong các cuộc họp đều

có đầy đủ các thành viên tham gia, có biên bản kèm theo. Sau mỗi kì và cuối năm học đều có sơ kết, tổng kết. Đặc biệt chất lượng hai mặt giáo dục luôn được giữ vững qua mỗi năm học [H2-1.2-02]; [1.2-05]; [H2-1.2-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ Hội đồng trường và các Hội đồng khác, hoạt động đúng chức năng nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 10, 12 Điều lệ Trường Phổ thông nhiều cấp học và các quy định của pháp luật. Các Hội đồng được thành lập theo quy định và hoạt động có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Công tác kiểm tra, giám sát các Hội đồng khác trong nhà trường đôi lúc chưa thường xuyên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục phát huy những nội dung đã làm được và vai trò của các Hội đồng khác trong nhà trường, đặc biệt là vai trò của Hội đồng trường trong thực hiện các hoạt động giáo dục, hoạt động phong trào. Nhà trường cần xây dựng các kế hoạch kiểm tra, giám sát chặt chẽ, thường xuyên các Hội đồng khác trong nhà trường hằng năm để đạt kết quả cao.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt			

Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường

Mức 1:

a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;

b) Hoạt động theo quy định;

c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Nhà trường có tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh được các tổ chức cấp trên ra quyết định thành lập và các tổ chức có cơ cấu tổ chức theo quy định. Các tổ chức, đoàn thể trong nhà trường hoạt động đảm bảo đúng chức năng, nhiệm vụ, phát huy tốt vai trò của mình trong việc

chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị được phân công. Hằng năm, hoạt động của tổ chức Đảng, Công đoàn cơ sở, Chi đoàn, Liên đội được rà soát, đánh giá theo đúng quy định của cấp trên [1.3-01]; [1.3-02]; [H3-1.3-04]; [H3-1.3-05]; [H3-1.3-06]; [H3-1.3-07]; [1.3-08].

Mức 2:

Nhà trường có chi bộ độc lập trực thuộc Đảng bộ xã Sơn Long, gồm 13 đảng viên, có cấp ủy gồm 03 đồng chí và được Đảng ủy xã Sơn Long ra quyết định chuẩn y. Chi bộ thực hiện nhiệm vụ là hạt nhân lãnh đạo của nhà trường, trong các phiên họp, chi bộ ra nghị quyết lãnh đạo toàn diện các hoạt động trong nhà trường. Cấp ủy chi bộ có quy chế làm việc, đề ra các nội dung triển khai thực hiện nhiệm vụ trong chi bộ; trong mỗi phiên họp, chi bộ đều ghi chép biên bản đầy đủ. Định kỳ đều có sơ kết, tổng kết hoạt động cụ thể. Trong 05 năm qua, chi bộ luôn được Đảng cấp trên đánh giá 01 năm hoàn thành nhiệm vụ, 01 năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành tốt nhiệm vụ [1.3-01]; [1.3-02]; [1.3-03]; [H3-1.3-09].

Hoạt động của các tổ chức khác trong nhà trường hoạt động tích cực, có hiệu quả cao, đã đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường [H3-1.3-05]; [H3-1.3-07].

Mức 3:

Trong quá trình thực hiện những nhiệm vụ chính trị, chi bộ trường đã có quy chế phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường hoàn thành tốt các nhiệm vụ, được công nhận 04 năm liền Chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ, để ghi nhận những thành tích đáng khích lệ ấy, Đảng ủy cấp trên đã có văn bản nhận xét, đánh giá về thực hiện các hoạt động của Chi bộ. Hằng năm, dưới sự chỉ đạo của cấp ủy và Ban giám hiệu, các tổ chức Đoàn, Đội và các tổ chức khác phối hợp hoàn thành tốt nhiệm vụ do các cấp chỉ đạo trong các hoạt động của nhà trường, tham gia tích cực các hoạt động, phong trào của địa phương [1.3-02]; [1.3-03]; [H3-1.3-09].

2. Điểm mạnh:

Nhà trường có đầy đủ các tổ chức chính trị, xã hội, các đoàn thể theo Điều lệ, quy định của từng tổ chức đúng quy định hiện hành. Các tổ chức làm việc có kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động, có báo cáo sơ kết, tổng kết các hoạt động và các phong trào thi đua; Chi bộ và các tổ chức đoàn thể khác luôn thể hiện tốt vai trò lãnh đạo, quyền hạn của mình, hoạt động tích cực và có hiệu quả góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu:

Một số hoạt động của Đoàn Thanh niên chưa xây dựng kế hoạch hoạt động và chưa đạt được hiệu quả cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng:

Trong những năm học tiếp theo, nhà trường phát huy tốt những điểm mạnh đã đạt được. Tiếp tục duy trì hoạt động các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể để phát huy hơn nữa vai trò lãnh đạo, phối hợp của các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đối với việc thực hiện các nhiệm vụ. Chi bộ chỉ đạo, hướng dẫn Đoàn Thanh niên nghiên cứu, tìm hiểu, tổ chức các hoạt động đa dạng, phong phú hơn.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có hiệu trưởng, số lượng phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ văn phòng có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ văn phòng có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3:

- a) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;
- b) Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Long hiện có 01 Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng đảm bảo đúng quy định Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học. Đầu mỗi năm học, Hiệu trưởng ban hành các Quyết định thành lập và kiện toàn các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, tổ quản lý bán trú, tổ tư vấn tâm lý học đường. Ban hành quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, văn phòng. Cơ cấu tổ chức của tổ chuyên môn và tổ văn phòng theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/09/2020 ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư 03/2023/TT-BGDĐT ngày 06/02/2023 của Bộ GD&ĐT ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của trường Phổ thông Dân tộc Bán trú. Nhà trường có 05 tổ chuyên môn (cấp Tiểu học có 03 tổ, khối:

Tổ 1, Tổ 2&3, Tổ 4&5; cấp THCS có 02 tổ, khối: tổ Tự nhiên và tổ Xã hội) [H4-1.4-01]; [H4-1.4-02]; [H4-1.4-03].

Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng hàng năm xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể và thực hiện các nhiệm vụ, tổ chức sinh hoạt, hội họp đúng quy định. Hàng năm, họp định kỳ cuối kỳ và giữa kỳ nhà trường đều chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức rà soát, đánh giá kết quả việc thực hiện chỉ tiêu, kế hoạch, từ đó có kế hoạch bổ sung điều chỉnh để đạt được kết quả theo chỉ tiêu đã đề ra [1.4-04]; [H4-1.4-05]; [H4-1.4-06].

Mức 2:

Hàng tuần, hàng tháng các tổ chuyên môn đều có sự đánh giá kết quả thực hiện và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầy đủ, kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của tổ và nhà trường thể hiện ở sổ ghi chép sinh hoạt chuyên môn và sổ kế hoạch của tổ chuyên môn; tổ văn phòng có sự điều chỉnh kế hoạch phù hợp với tình hình thực tế theo tuần, tháng thể hiện ở kế hoạch tháng và sổ ghi chép sinh hoạt của tổ [1.4-04]; [H4-1.4-06].

Đổi mới sinh hoạt chuyên môn, đề xuất những giải pháp, chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường, trong các năm học qua, mỗi năm học các tổ chuyên môn cấp THCS, cấp Tiểu học đều đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 chuyên đề chuyên môn tập trung thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục nói chung và chất lượng giảng dạy từng bộ môn nói riêng, nội dung sinh hoạt chuyên môn luôn được đổi mới, từng bước đạt hiệu quả tích cực, trong đó các nội dung sinh hoạt chuyên môn theo chủ đề và theo nghiên cứu bài học đạt hiệu quả cao góp phần nâng cao chất lượng dạy học và hiệu quả giáo dục của nhà trường [H4-1.4-05].

Mức 3:

Hàng năm, các tổ chuyên môn có những đóng góp quan trọng trong việc bồi dưỡng học sinh giỏi, giáo dục đạo đức cho học sinh, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên trong tổ, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ, tham gia các hoạt động ngoại khóa nâng

cao chất lượng hoạt động của nhà trường; tổ văn phòng thực hiện tốt việc chăm sóc sức khỏe cho học sinh, kiểm soát đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm đối với học sinh bán trú, thực hiện lưu trữ văn bản, bảo quản tốt các tài sản của nhà trường và thực hiện tốt các chế độ chính sách cho cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh. Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ văn phòng có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục và các hoạt động khác trong nhà trường [1.4-04]; [H4-1.4-06]; [H4-1.4-07]. Tuy nhiên, do đặc thù vùng miền, trường có số lớp, số học sinh ít nên số giáo viên có cùng bộ môn không nhiều, một số môn chỉ có 01 giáo viên, nên một số chuyên đề của bộ môn xây dựng và triển khai áp dụng đạt hiệu quả chưa cao nhất là đối với bậc THCS.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ số lượng Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng theo quy định tại Thông tư 16 về đề án vị trí việc làm. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm, hằng tháng phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Tổ chuyên môn tổ chức triển khai các chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh. Nhà trường và các tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các hoạt động theo kế hoạch đề ra nhằm giúp đỡ, hỗ trợ giáo viên, nhân viên thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao.

3. Điểm yếu

Số giáo viên cùng bộ môn trong mỗi tổ chuyên môn ít nên việc trao đổi rút kinh nghiệm trong công tác giảng dạy chưa đạt hiệu quả cao.

Thành viên tổ văn phòng chủ yếu là nhân viên hợp đồng có thời hạn, vì vậy ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025 và các năm học tiếp theo, nhà trường chỉ đạo các tổ chuyên môn nâng cao chất lượng sinh hoạt chuyên đề đáp ứng đổi mới các hình thức tổ chức dạy học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục, tập trung vào chương trình đổi mới giáo dục phổ thông 2018. Thông qua việc sinh hoạt chuyên

môn cụm, tổ bộ môn cấp huyện, nâng cao chất lượng việc trao đổi, rút kinh nghiệm các chuyên đề chuyên môn.

Trường tiếp tục đăng ký bổ sung chỉ tiêu giáo viên, nhân viên còn thiếu trong các kỳ thi tuyển của UBND huyện Sơn Tây theo đề án vị trí việc làm ban hành.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các lớp của cấp học;
- b) Học sinh được tổ chức theo lớp; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Sĩ số học sinh trong lớp theo quy định.

Mức 3:

Trường có không quá 45 (bốn mươi lăm) lớp. Mỗi lớp ở cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông có không quá 40 (bốn mươi) học sinh, lớp tiểu học không quá 35 (ba mươi lăm) học sinh (nếu có). Số học sinh trong lớp của trường chuyên

biệt theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của trường chuyên biệt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Từ năm học 2019 - 2020 đến nay, trường PTDTBT TH&THCS Sơn Long có đủ các lớp học từ khối 1 đến khối 9, học sinh được tổ chức theo lớp học, lớp học được tổ chức đúng quy định. Hồ sơ số lớp học và tổ chức lớp học được thể hiện đầy đủ ở sổ đăng bộ học sinh; học bạ; danh bạ học sinh; sổ chủ nhiệm; sổ gọi tên và ghi điểm học sinh THCS; sổ tổng hợp đánh giá học sinh Tiểu học, phần mềm SMAS, CSDL [1.5-01]; [H5-1.5-02]; [H5-1.5-03]; [1.5-04]; [1.5-05]; [1.5-06].

Các lớp được tổ chức theo quy tắc tự quản, dân chủ dưới sự quản lý, hỗ trợ, hướng dẫn của giáo viên chủ nhiệm. Các lớp đều có Ban cán sự lớp, mỗi lớp được chia thành các tổ, mỗi tổ có tổ trưởng và tổ phó do học sinh trong tổ bầu trong năm học [1.5-04]; [H5-1.5-07]; [H5-1.5-08]; [H5-1.5-09].

Mức 2:

Trong 5 năm qua, sĩ số học sinh các lớp của nhà trường luôn đảm bảo đúng quy định. Mỗi lớp không quá 45 học sinh (đối với cấp THCS) và (35 học sinh đối với cấp Tiểu học). Trong năm học 2023 - 2024, bình quân số học sinh/lớp: 22 em đối với bậc Tiểu học và 26 em đối với bậc THCS [1.5-01]; [H5-1.5-03]; [1.5-05].

Mức 3:

Trong 5 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có không quá 25 lớp học ở cả hai cấp học. Năm học 2023 - 2024 có 18 lớp học ở cả hai cấp học; số học sinh trung bình là 22 em đối với bậc Tiểu học và 26 em đối với bậc THCS [1.5-01]; [H5-1.5-03]; [1.5-05]; [1.5-06].

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối lớp của 2 cấp học, được tổ chức đúng theo Điều 16 Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học, lớp học hoạt động tự quản, dân chủ, đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ nhau trong các hoạt động giáo dục.

Số lượng học sinh bình quân trên lớp khoảng 22 học sinh, thuận lợi trong việc dạy học và giáo dục của nhà trường.

Dựa theo kế hoạch của nhà trường, các lớp đều xây dựng và thực hiện tốt các kế hoạch hoạt động hàng tuần, hàng tháng.

3. Điểm yếu

Ban cán sự ở khối 1, 2 cấp Tiểu học đôi lúc chưa phát huy hết vai trò của mình, một số học sinh chưa mạnh dạn, thiếu tự tin khi tham gia các hoạt động học tập, văn nghệ, thể dục, thể thao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025 và những năm học tiếp theo, Ban giám hiệu chỉ đạo giáo viên chủ nhiệm phối hợp chặt chẽ với giáo viên bộ môn, các đoàn thể của trường và cha mẹ học sinh tăng cường giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức cho học sinh giúp học sinh mạnh dạn, tự tin hơn trong giao tiếp, phát huy tốt vai trò của Ban cán sự lớp.

Trường tiếp tục thực hiện công tác tăng cường giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh có hiệu quả cao, trong đó phải xây dựng được bộ tiêu chí đánh giá về kỹ năng sống, áp dụng thực hiện đối với học sinh trong nhà trường nói chung và học sinh bán trú nói riêng. Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tăng cường đổi mới tiết chào cờ đầu tuần, giờ sinh hoạt lớp thân thiện giúp học sinh được tham gia các hoạt động sinh hoạt tập thể, vui chơi.

Giáo viên chủ nhiệm đồng hành hướng dẫn học sinh thực hiện tốt vai trò tự quản của Ban cán sự lớp, thay đổi luân phiên Ban cán sự lớp tạo điều kiện cho học sinh có cơ hội thể hiện khả năng.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt

		(nếu có)		(nếu có)	
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt mức 3.

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động giáo dục.

Mức 2:

a) Ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3:

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hệ thống các loại hồ sơ, sổ sách quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường được xây dựng, quản lý, sử dụng, bảo quản theo quy định tại Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ GD&ĐT về việc ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 27/2016/TT-BGDĐT ngày 30/12/2016 của Bộ GD&ĐT về việc quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành giáo dục và các văn bản chuyên môn thuộc các lĩnh vực tài chính, tài sản. Trường tiếp nhận, ban hành các văn bản chuyên môn được bảo quản, lưu trữ đảm bảo đúng theo Luật lưu trữ và Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về công tác văn thư được thể hiện trong sổ công văn đến, công văn đi của nhà trường [1.6-01].

Trường thực hiện đảm bảo việc tiếp nhận, kiểm tra, quản lý tài sản, thiết bị giáo dục đúng quy định. Hằng năm, nhà trường thực hiện đảm bảo công tác lập dự toán, quyết toán, quản lý tài chính, tài sản, báo cáo thống kê tài chính theo đúng quy định được lưu trữ đảm bảo qua hồ sơ tài chính, sổ quản lý tài chính. Xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ, lấy ý kiến đóng góp thống nhất của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trước khi ban hành thực hiện. Trong quá trình triển khai thực hiện, quy chế được bổ sung, cập nhật, điều chỉnh phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành của nhà nước [H6-1.6-02]; [H6-1.6-03]; [H6-1.6-04]; [H6-1.6-05]; [H6-1.6-06]; [H6-1.6-07]; [1.6-08]; [H6-1.6-09].

Mức 2:

Trường đã thực hiện có hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính, tài chính, tài sản thông qua cổng thông tin điện tử, e-mail, hệ thống phần mềm quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo quy định cụ thể như: phần mềm MISA trong quản lý tài chính và tài sản nhà trường, cơ sở dữ liệu ngành, thống kê SMAS, phần mềm giáo dục trong quản lý thư viện. 100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên sử dụng e-mail cá nhân thực hiện công việc được đảm nhận [H6-1.6-09]; [H6-1.6-10].

Trong 05 năm vừa qua, trường không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản được thể hiện rõ trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cấp trong các năm [H6-1.6-11].

Mức 3:

Trường đã xây dựng kế hoạch trung hạn, dài hạn huy động các nguồn tài chính hợp pháp bên ngoài phù hợp với địa phương. Tuy nhiên, việc triển khai kế hoạch còn nhiều hạn chế do trường đóng tại xã thuộc vùng đặc biệt khó khăn, điều kiện kinh tế xã hội khó khăn, công tác xã hội hóa giáo dục chưa hiệu quả.

2. Điểm mạnh

Trường có đầy đủ hệ thống hồ sơ được bảo quản, lưu trữ đảm bảo đúng quy định.

Có hệ thống các văn bản quy định về quản lý tài chính, tài sản và lưu trữ hồ sơ, chứng từ đúng quy định.

Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính, tài sản theo quy định hiện hành. Trường sử dụng hiệu quả các phần mềm quản lý hành chính, tài sản, tài chính.

Trường xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ nhằm chủ động trong quản lý và sử dụng các nguồn tài chính đúng mục đích, thực hiện công khai, minh bạch, hiệu quả, tăng cường quyền giám sát của từng cá nhân, tổ chức của nhà trường đối với công tác quản lý tài chính, đảm bảo tiết kiệm chi tiêu, không lãng phí.

3. Điểm yếu

Việc triển khai kế hoạch huy động các nguồn tài chính còn nhiều hạn chế vì trường đóng trên địa bàn vùng đặc biệt khó khăn, đa số bà con nhận thức hạn chế về công tác xã hội hoá; Vì vậy, công tác xã hội hóa giáo dục chưa đạt hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong năm học 2024 - 2025 và các năm tiếp theo, nhà trường tích cực triển khai kế hoạch trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với

điều kiện nhà trường.

Cải thiện công tác xã hội hóa giáo dục, xây dựng kế hoạch thiết thực để huy động được các nguồn tài chính hợp pháp để hỗ trợ học sinh khó khăn và xây dựng, sửa chữa các điểm trường.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên;

b) Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) Cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học và kế hoạch giáo dục, tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, bồi dưỡng thường xuyên đối với đội ngũ giáo viên, nhân viên. Tổ chuyên môn xây dựng và thực hiện kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn cho giáo viên. Cuối mỗi năm học, trường tổ chức kiểm tra, đánh giá, đề nghị Sở GD&ĐT cấp giấy chứng nhận bồi dưỡng thường xuyên. Lập sổ đăng bộ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cập nhật những thay đổi về trình độ đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ hàng năm trong hồ sơ viên chức và sổ đăng bộ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo đúng quy định [H7-1.7-01]; [H7-1.7-02]; [H7-1.7-03]; [1.7-04]; [1.7-05].

Phân công, phân nhiệm chuyên môn, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp, đảm bảo hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường, đồng thời phát huy được năng lực chuyên môn, sở trường của từng cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hướng tới mục đích phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường [H7-1.7-06]; [H7-1.7-07].

Trường định kỳ kiểm tra, đánh giá, nhận xét, góp ý đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên hàng năm để mỗi thành viên phát huy hết năng lực, sở trường, tự trao dồi học tập bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu về đổi mới giáo dục góp phần nâng cao chất lượng hoạt động giáo dục và các hoạt động khác được thể hiện trong hồ sơ kiểm tra đánh giá giáo viên, nhân viên [1.7-08].

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền theo đúng quy định hiện hành, hàng năm, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đều được quan tâm giải quyết đầy đủ các chế độ chính sách, xét nâng lương đúng thời hạn, trước hạn đúng đối tượng [1.7-09].

Mức 2:

Trường, các tổ chuyên môn luôn luôn có các biện pháp, giải pháp phát huy năng lực của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Hiệu trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể

cho từng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp với trình độ chuyên môn, chuyên ngành và sở trường cá nhân, đồng thời xây dựng quy chế làm việc của nhà trường để cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt nhiệm vụ được giao [H7-1.7-06]; [H7-1.7-07]; [H7-1.7-10].

Các kế hoạch hoạt động của nhà trường đều được đánh giá, sơ kết và tổng kết năm học đầy đủ, chính xác, đúng thời gian quy định [H1-1.1-02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường, các tổ chuyên môn đều thực hiện tốt kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên. Phân công, sử dụng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên phù hợp với năng lực, sở trường của mỗi cá nhân, có tổ chức kiểm tra đánh giá thường xuyên.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được đảm bảo các quyền đúng quy định hiện hành. Khen thưởng, khích lệ kịp thời cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên có thành tích.

3. Điểm yếu

Một số giáo viên trẻ mới về trường chưa có nhiều kinh nghiệm giảng dạy, một số ít giáo viên năng lực về công nghệ thông tin hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trường tiếp tục phát huy những điểm mạnh đã đạt được, chỉ đạo các tổ chuyên môn, đội ngũ giáo viên thực hiện tốt công tác tự bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu của đổi mới giáo dục của Chương trình giáo dục phổ thông 2018 hiện nay.

Phát huy tính chủ động, sáng tạo trong công việc của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên tích cực tham gia tự học, tự bồi dưỡng nhất là về ngoại ngữ, tin học để đáp ứng được các hoạt động giáo dục trong giai đoạn mới. Các tổ chuyên môn và mỗi giáo viên đều có kế hoạch tự bồi dưỡng thường xuyên, tham gia sinh hoạt chuyên môn cấp trường, cụm trường là giải pháp giúp giáo viên học tập lẫn nhau, chia sẻ kinh nghiệm để cùng nhau tiến bộ và phát triển.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt			

Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch giáo dục phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch giáo dục được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch giáo dục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động giáo dục, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả. Quản lý hoạt động dạy thêm, học thêm trong nhà trường theo quy định (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, ngay từ đầu năm học trường xây dựng kế hoạch giáo dục, thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý giảng dạy, học tập và các hoạt động giáo dục khác theo mục tiêu, chương trình giáo dục phổ thông bậc Tiểu học và bậc THCS phù hợp với thực tiễn của địa phương và nhà trường [H8-1.8-01].

Trường xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các kế hoạch giáo dục, đảm bảo đúng số tiết và khung chương trình quy định của Bộ GD&ĐT, có kế hoạch dạy bù, đảm bảo kịp thời tiến độ chương trình [H8-1.8-01]; [H8-1.8-02]; [1.8-03]; [H7-1.7-07]; [H7-1.7-10].

Các kế hoạch giáo dục của nhà trường định kỳ được tổ chức rà soát, kiểm tra, đánh giá, bổ sung, điều chỉnh kịp thời kế hoạch phù hợp thông qua các buổi họp Hội đồng cuối mỗi học kỳ, sau khi tổ chức các hoạt động giáo dục trong và ngoài lên lớp. Các hoạt động ngoài giờ lên lớp của nhà trường tổ chức có sự đầu tư nhằm đạt chất lượng cao [H8-1.8-04]; [H1-1.1-06]; [1.7-08].

Mức 2:

Các hoạt động giáo dục của nhà trường được thực hiện và có sự kiểm tra đánh giá của các cấp, kết quả công tác phát triển giáo dục được đánh giá đạt hiệu quả. Nhà trường thực hiện tốt việc dạy 02 buổi trên ngày cho học sinh nhằm nâng cao chất lượng giáo dục trong nhà trường. Công tác dạy thêm không thực hiện trong và ngoài nhà trường. Kết quả các hoạt động giáo dục, phong trào thi đua của giáo viên và học sinh từng năm học được thể hiện trong báo cáo sơ kết, tổng kết hàng năm. Các hoạt động giáo dục được triển khai thực hiện, đề xuất các biện pháp, giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục và được ghi chép đầy đủ trong sổ ghi biên bản họp hội đồng, sinh hoạt chuyên môn theo định kỳ của đơn vị [H8-1.8-02]; [H8-1.8-04]; [H1-1.1-06]; [H4-1.4-07].

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục đúng quy định hiện hành. Xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế địa phương và nhà trường. Thường xuyên rà soát, kiểm tra, đánh giá, kịp thời điều chỉnh các kế hoạch giáo dục trong quá trình thực hiện được lãnh đạo đánh giá cao.

3. Điểm yếu

Các hoạt động giáo dục tuy đa dạng về hình thức nhưng kết quả đạt được của học sinh chưa thật sự cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Những năm học tiếp theo, nhà trường duy trì và phát huy tốt những nội dung đã thực hiện được trong công tác quản lý các hoạt động giáo dục tại trường. Tiếp tục tăng cường, rà soát, kiểm tra, đánh giá, kịp thời điều chỉnh các kế hoạch giáo dục trong quá trình thực hiện. Đảm bảo kết quả giáo dục năm sau cao hơn năm trước, kế hoạch thực hiện có sự đầu tư tốt hơn nữa trong việc thực hiện các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp.

Đẩy mạnh công tác đổi mới sinh hoạt tổ chuyên môn, sinh hoạt chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học, tăng cường đổi mới hình thức kiểm tra đánh giá góp phần nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt			

Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, tại Hội nghị viên chức và người lao động, toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong toàn trường tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường từ hội nghị cấp tổ đến cấp trường và được đúc kết thành Nghị quyết hội nghị. Sau Hội nghị Viên chức và người lao động hằng năm, từ các ý kiến tham gia thảo luận, góp ý của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường đã xây dựng, bổ sung, chỉnh sửa các kế hoạch, nội quy, quy chế, quy định trong các hoạt động của nhà trường và xây dựng kế hoạch, quy chế thực hiện Quy chế dân chủ công khai, minh bạch. Nhà trường và Công đoàn đã xây dựng quy chế phối hợp, Công đoàn nhà trường đã vận động cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường [H9-1.9-01]; [H9-1.9-02]; [H9-1.9-03]; [H9-1.9-04]; [H9-1.9-05]; [H3-1.3-05]; [H7-1.7-10].

Trong những năm qua, nhà trường thực hiện tốt việc công khai dân chủ, minh bạch các hoạt động. Ban thanh tra nhân dân đã xây dựng quy chế hoạt động, thể hiện chức năng giám sát trong mọi hoạt động của nhà trường, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ dựa trên các văn bản của các cấp về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở đảm bảo tính công khai dân chủ minh bạch [H9-1.9-04]; [H3-1.3-05].

Hàng năm, nhà trường đều có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đầy đủ, kịp thời. Nhà trường có bảng niêm yết công khai, hộp thư góp ý được niêm yết tại các điểm trường. Thường xuyên theo dõi việc góp ý từ các tổ chức, cá nhân cũng như của cha mẹ học sinh, của nhân dân để kịp thời điều chỉnh, bổ sung góp phần thực hiện tốt quy chế dân chủ [H9-1.9-06]; [1.9-07]; [1.9-08].

Mức 2:

Hàng năm, trường tổ chức các hội nghị báo cáo sơ kết, tổng kết về việc thực hiện Quy chế dân chủ. Các báo cáo sơ kết, tổng kết này được báo cáo trong hội nghị sơ kết, tổng kết của trường. Trường đã đề ra một số biện pháp thực hiện Quy chế dân chủ sát với thực tế và phù hợp với tình hình thực tiễn của nhà trường. Mọi hoạt động giáo dục của nhà trường được triển khai thực hiện công khai đến toàn thể cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường thông qua trong các buổi họp Hội đồng sư phạm hàng tháng, trong bảng công khai của nhà trường và được báo cáo trong các hội nghị sơ kết, tổng kết quy chế dân chủ. Ban thanh tra nhân dân đã xây dựng quy chế hoạt động, đã thể hiện chức năng giám sát trong mọi hoạt động của nhà trường [H9-1.9-06]; [H1-1.1-02]; [H3-1.3-05].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, trường xây dựng các báo cáo và thông qua Hội đồng trường trước khi báo cáo các cấp có thẩm quyền về việc thực hiện quy chế dân chủ. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch, nội quy, quy chế liên quan đến các hoạt động giáo dục của nhà trường.

3. Điểm yếu

Tinh thần đấu tranh phê và tự phê đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên còn hạn chế, chưa phát huy cao tinh thần phê và tự phê.

Ban thanh tra nhân dân của nhà trường chưa được tập huấn hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ nên gặp nhiều khó khăn trong công việc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tạo điều kiện đối với các cá nhân và các tổ chức trong nhà trường phát huy hơn năng lực sở trường thực hiện quy chế dân chủ, nâng cao tinh thần phê và tự phê.

Tạo điều kiện cho Ban thanh tra nhân dân tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ do các cấp tổ chức.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt			

Đạt mức 2.

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho học sinh được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ

nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hằng năm, trường đều xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện việc đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn trường học được cấp có thẩm quyền kiểm tra, công nhận theo Quyết định số 4458/QĐ-BGDĐT ngày 22/8/2007 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn, thương tích trong trường phổ thông. Trong 5 năm tính đến thời điểm tự đánh giá, nhà trường đã xây dựng quy chế phối hợp với Công an xã Sơn Long trong việc đảm bảo an ninh, an toàn trật tự cho học sinh, các hoạt động phối hợp tuyên truyền được tổ chức thường xuyên; có Kế hoạch phòng cháy, chữa cháy; trường học đạt chuẩn về an ninh trật tự; phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội; trường học an toàn và phòng chống tai nạn thương tích, triển khai hiệu quả các phương án phòng cháy, chữa cháy trong nhà trường, phòng chống bạo lực trường học, an toàn giao thông, phòng chống dịch Covid-19, dịch bệnh truyền nhiễm. Bếp ăn bán trú của trường được cơ quan chức năng công nhận đảm bảo về vệ sinh an toàn thực phẩm. Các phương án, kế hoạch của trường về thực hiện trường học an ninh trật tự, phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống các tệ nạn xã hội; an toàn giao thông, phòng, chống bạo lực trường học [H10-1.10-01]; [1.10-02]; [1.10-03]; [H10-1.10-04]; [H10-1.10-05]; [1.10-06].

Trường có hòm thư góp ý và các hình thức khác tiếp nhận, xử lý thông tin phản ánh của cha mẹ học sinh và người dân. Trường có các phương án cụ thể đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh; có camera an ninh được đặt ở các vị trí dễ theo dõi; thường xuyên có bảo vệ thường trực trước cổng,

thông tin và số liên lạc của lãnh đạo và Công an xã được dán ở các vị trí dễ nhìn nhất để kịp thời xử lý các tình huống xảy ra [1.9-08].

Trường luôn quan tâm đến các hiện tượng kỳ thị, bạo lực, vi phạm về bình đẳng giới nên thường xuyên tổ chức các buổi lấy ý kiến của học sinh về những vấn đề trên, từ đó ưu tiên những vấn đề cần ưu tiên tuyên truyền và giải quyết [H10-1.10-07]; [H10-1.10-08]; [H1-1.1-02]; [H1-1.1-06].

Mức 2:

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường được phổ biến, tuyên truyền về các phương pháp phòng chống bạo lực, phòng chống xâm hại tình dục [H10-1.10-01]; [1.10-02]; [1.10-03]; [H10-1.10-04]; [H1-1.1-06].

Trường có phương án kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và đưa ra biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả [H1-1.1-06].

2. Điểm mạnh

Trường đã xây dựng và triển khai thực hiện đầy đủ các phương án về đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn, phòng chống tai nạn thương tích; an toàn phòng chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường; nội dung các phương án cụ thể và khả thi cho từng nội dung hoạt động, đảm bảo an toàn đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Thực hiện phối hợp tốt với các ban ngành, đoàn thể địa phương và công an các cấp trong công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật, phòng chống các tệ nạn xã hội cũng như việc đảm bảo an ninh trật tự trong nhà trường. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong nhà trường tốt; đảm bảo an toàn cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Đa số học sinh đều là người dân tộc thiểu số nên tiếp thu, nhận thức việc tuyên

truyền chưa thật sự cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, trường đẩy mạnh thực hiện tốt các nội dung về đảm bảo an ninh trật tự; vệ sinh an toàn thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực học đường. Tiếp tục tham mưu tổ chức thường xuyên các hoạt động truyền thông về bạo lực học đường, an ninh trật tự cho học sinh với nhiều hình thức khác nhau. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục đạo đức cho học sinh trong các tiết chào cờ đầu tuần, các buổi hoạt động ngoại khóa. Phát huy tốt vai trò, trách nhiệm của Ban giám hiệu và đội ngũ giáo viên, nhất là GVCN trong việc theo dõi, giám sát các hoạt động của học sinh.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt			

Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh:

Trường thực hiện xây dựng và triển khai có hiệu quả Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo từng giai đoạn phù hợp với mục tiêu giáo dục và các điều kiện kinh tế xã hội tại địa phương. Trường có đủ cơ cấu tổ chức; có

đủ các lớp học ở từng bậc học theo quy định. Chi bộ, Ban giám hiệu, các Đoàn thể, các Hội đồng, tổ văn phòng và các tổ chuyên môn trong nhà trường tổ chức tốt các hoạt động và luôn hoàn thành tốt các nhiệm vụ theo quy chế, Điều lệ đạt nhiều hiệu quả thiết thực. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường chấp hành tốt sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, chính quyền địa phương, Phòng GD&ĐT, UBND huyện và Huyện ủy. Trong thời gian qua, trường không có trường hợp vi phạm pháp luật, vi phạm quy chế chuyên môn. Phát huy tốt quy chế dân chủ trong toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh và nhân dân. Việc quản lý hành chính thực hiện tốt, thực hiện có hiệu quả các phong trào thi đua của ngành, địa phương phát động. Thực hiện nhiệm vụ quản lý các hoạt động giáo dục và quản lý học sinh theo Điều lệ trường phổ thông nhiều cấp học đảm bảo. Quản lý và sử dụng tài chính công khai, minh bạch theo đúng quy định của pháp luật. Quản lý, phân công, sử dụng cán bộ, giáo viên, nhân viên đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường. Lập đầy đủ các kế hoạch giáo dục và tổ chức thực hiện mang lại nhiều kết quả đáng khích lệ. Trường luôn đảm bảo các điều kiện an toàn trong làm việc và học tập cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Điểm yếu:

Trong quá trình thực hiện việc rà soát chiến lược xây dựng và phát triển, trường có sự tham gia đóng góp ý kiến của hội cha mẹ học sinh nhưng chưa thể hiện rõ trong biên bản Phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường, chưa được nhiều cha mẹ học sinh quan tâm, ít truy cập tham gia vào các hoạt động cùng nhà trường. Đội ngũ giáo viên của trường đa số trẻ về tuổi nghề nên chưa có nhiều kinh nghiệm trong việc đưa ra biện pháp giáo dục học sinh. Một số giáo viên còn hạn chế trong việc sử dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác giảng dạy và ít tham gia phát biểu xây dựng cho các kế hoạch, quy chế của nhà trường. Việc lưu trữ hồ sơ của nhà trường chưa thật khoa học.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 10/10 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/10 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 10/10 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/10 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 2/5 - Tỉ lệ: 40%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 3/5 - Tỉ lệ: 60%

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu:

Cán bộ quản lý nhà trường có đủ năng lực chỉ đạo, điều hành các hoạt động giáo dục, đội ngũ giáo viên, nhân viên đảm bảo số lượng và chất lượng đào tạo; Số lượng học sinh đảm bảo đúng quy định Điều lệ trường có hai cấp học; Hội đồng tự đánh giá cơ sở giáo dục của trường PTDTBT TH&THCS Sơn Long tự đánh giá 04 tiêu chí trong tiêu chuẩn 2 cụ thể như sau:

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý giáo dục theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên;

b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được giáo viên, nhân viên trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường PTDTBT TH&THCS Sơn Long có Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng đều có trình độ Đại học đảm bảo theo đúng quy định [H11-2.1-01].

Hàng năm, cán bộ quản lý nhà trường được đánh giá đạt từ loại khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng và được đánh giá phân loại viên chức đối với Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng hàng năm từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H11-2.1-02]; [H11-2.1-03].

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng được tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ. Đã hoàn thành lớp bồi dưỡng quản lý giáo dục và có chứng chỉ quản lý giáo dục, bằng chứng nhận trung cấp lý luận chính trị - hành chính [H11-2.1-04].

Mức 2:

Từ năm học 2019 - 2020 đến nay, Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng được đánh giá xếp loại chuẩn hiệu trưởng đạt mức khá trở lên và được UBND huyện Sơn Tây đánh giá xếp loại viên chức đạt mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên [H11-2.1-02]; [H11-2.1-03].

Hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng đã hoàn thành lớp trung cấp lý luận chính trị - hành chính. Cuối các năm học, Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng đều được giáo viên, nhân viên nhà trường góp ý, tín nhiệm [H11-2.1-01]; [H11-2.1-02]; [H11-2.1-04]; [H11-2.1-05].

Mức 3:

Trong 05 năm học liên tiếp đến thời điểm tự đánh giá, Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng được Hội đồng sư phạm nhà trường đánh giá cao và được lãnh đạo các cấp xếp loại chuẩn Hiệu trưởng đạt từ mức khá trở lên. Trong đó, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng bậc THCS có 04 năm được cấp trên đánh giá chuẩn hiệu trưởng ở mức tốt, 01 năm ở mức khá; Phó hiệu trưởng bậc Tiểu học có 05 năm được đánh giá ở mức khá [H11-2.1-02].

2. Điểm mạnh

Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng luôn được sự tín nhiệm cao của tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên trong nhà trường. Hàng năm, Hiệu trưởng và Phó hiệu trưởng được lãnh đạo Phòng GD&ĐT đánh giá xếp loại viên chức đạt loại khá trở lên theo quy định chuẩn hiệu trưởng và đạt trình độ về lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ, quản lý giáo dục theo quy định.

3. Điểm yếu

Đánh giá của cấp trên đối với Phó hiệu trưởng bậc Tiểu học về chuẩn hiệu trưởng trong 05 năm chỉ ở mức khá.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Cán bộ quản lý, đặc biệt là Phó hiệu trưởng bậc Tiểu học tăng cường nâng cao năng lực quản lý, phát huy hơn nữa vai trò chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đánh giá nâng cao hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-

c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu giáo viên đảm bảo thực hiện Chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ giáo viên trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp giáo viên ở mức tốt;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, giáo viên có báo cáo kết quả nghiên cứu khoa học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường luôn đảm bảo số lượng và cơ cấu giáo viên thực hiện chương trình giáo dục và tổ chức các hoạt động giáo dục theo Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập [H12-2.2-01].

Trong giai đoạn 05 năm học liên tiếp, nhà trường luôn có đội ngũ giáo viên đạt 100% chất lượng về chuẩn nghề nghiệp. Trong năm học 2023 – 2024, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức Khá trở lên. Từ năm học 2019 - 2020 đến nay, trường có 100% giáo viên đạt trình độ chuẩn và trên chuẩn, có 32 giáo viên có trình độ Đại học, 01 giáo viên có trình độ Thạc sĩ [H12-2.2-02].

Đội ngũ giáo viên đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong công tác và thực hiện đúng quy chế chuyên môn của nhà trường. Theo kết quả kiểm tra đánh giá chuẩn nghề nghiệp hằng năm, 100% giáo viên được đánh giá đạt chuẩn trở lên và kết quả đánh giá phân loại viên chức hàng năm có 100% giáo viên đều đạt mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H12-2.2-03]; [H12-2.2-04].

Mức 2:

Năm học 2019 - 2020 đến nay, trường có tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình. Đội ngũ giáo viên có nhiều cố gắng, nỗ lực trong công tác và thực hiện đúng quy chế chuyên môn. Năm học 2023 - 2024, trường có 100% giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp mức Khá trở lên [H12-2.2-02]; [H12-2.2-04]; [H12-2.2-05].

Trong 05 năm học vừa qua, giáo viên nhà trường đã tham gia các lớp tập huấn, sinh hoạt chuyên môn các cấp, các phong trào thi đua đều đạt những thành tích

cao trong các cuộc thi như Hội thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp huyện, cấp tỉnh [H12-2.2-04]; [H12-2.2-06]; [H12-2.2-07]; [1.2-05].

Giáo viên có khả năng tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, định hướng phân luồng cho học sinh; có khả năng hướng dẫn nghiên cứu khoa học. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có giáo viên bị kỷ luật [H12-2.2-06]; [H30-5.4-01]; [H30-5.4-02].

Mức 3:

Cuối mỗi năm học (từ năm học 2019 - 2020 đến năm học 2023 - 2024), nhà trường đều tiến hành đánh giá sáng kiến kinh nghiệm của giáo viên, các sáng kiến đa số đều được đầu tư, nghiên cứu, có chất lượng thực tiễn cao [2.2-08]. Tuy nhiên, nhà trường chưa có giáo viên tham gia viết đề tài nghiên cứu khoa học.

2. Điểm mạnh

Giáo viên được phân công giảng dạy đúng chuyên ngành được đào tạo, hầu hết giáo viên có tinh thần cầu tiến, tự trau dồi học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng thực tế đổi mới giáo dục.

Hàng năm kết quả đánh giá phân loại chuẩn nghề nghiệp 100% giáo viên đạt chuẩn trở lên.

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có giáo viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

3. Điểm yếu

Thiếu giáo viên biên chế một số bộ môn đặc thù chuyên biệt, một số giáo viên trẻ mới về trường kinh nghiệm giảng dạy chưa nhiều.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhà trường tiếp tục hợp đồng giáo viên ở các bộ môn còn thiếu và có sự cho phép của cấp trên.

Động viên, khuyến khích giáo viên tích cực tự học, tự nghiên cứu, thường

xuyên ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy nâng cao chất lượng giáo dục.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

Mức 1:

a) Có nhân viên hoặc giáo viên kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do hiệu trưởng phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

a) Số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo theo quy định;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có nhân viên bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;

b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong những năm học gần đây trường đã xây dựng đội ngũ nhân viên với số lượng và cơ cấu theo quy định, đến thời điểm tự đánh giá gồm: 01 nhân viên kế toán - văn thư, 01 nhân viên thư viện - thiết bị - thủ quỹ, 01 nhân viên y tế, 02 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên tạp vụ, 05 nhân viên cấp dưỡng [H13-2.3-01].

Vào đầu năm học, trường lập quyết định phân công nhiệm vụ cho từng nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm một số nhiệm vụ phù hợp với chuyên môn đào tạo và theo năng lực của từng người. Từ đó mỗi bộ phận, cá nhân đã đáp ứng được yêu cầu công việc [H7-1.7-06].

Từ năm học 2019 - 2020 đến nay, nhân viên của nhà trường đều được đánh giá xếp loại cuối năm đạt mức Hoàn thành nhiệm vụ trở lên [H13-2.3-02].

Mức 2:

Trong các năm học, trường đảm bảo số lượng và cơ cấu nhân viên theo vị trí việc làm quy định tại Thông tư 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và trường chuyên biệt công lập gồm: 01 nhân viên kế toán - văn thư, 01 nhân viên thư viện - thiết bị - thủ quỹ, 01 nhân viên y tế, 02 nhân viên bảo vệ, 01 nhân viên tạp vụ, 05 nhân viên cấp dưỡng [H13-2.3-01].

Từ năm học 2019 - 2020 đến nay, các nhân viên của nhà trường đều thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, không có nhân viên nào bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên [2.3-03]; [H4-1.4-02]; [H4-1.4-06]; [1.7-08].

Mức 3:

Nhân viên có trình độ đào tạo đáp ứng đối với vị trí việc làm: Nhân viên kế toán - văn thư, y tế có bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên theo chuyên ngành được giao phù hợp với vị trí việc làm và có chứng chỉ bồi dưỡng do cơ quan có thẩm

quyền cấp. Nhân viên thư viện, thiết bị, thủ quỹ,... đã có văn bằng chuyên ngành theo vị trí việc làm [H13-2.3-04].

Hàng năm, nhân viên, giáo viên kiêm nhiệm được bồi dưỡng và tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ được phân công đảm nhận. Cụ thể: nhân viên kế toán được tham gia tập huấn nghiệp vụ theo yêu cầu của phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Sơn Tây, nhân viên văn thư - thủ quỹ được tham gia bồi dưỡng công tác văn thư lưu trữ, nhân viên y tế được bồi dưỡng kiến thức chăm sóc sức khỏe học sinh và công tác y tế học đường do Trung tâm Y tế huyện Sơn Tây tổ chức [H13-2.3-05]. Tuy nhiên, còn một số nhân viên thực hiện các nhiệm vụ kiêm nhiệm chưa được tham gia tập huấn, bồi dưỡng để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, đặc biệt là nhân viên cấp dưỡng.

2. Điểm mạnh

Trường có tương đối đầy đủ số lượng và cơ cấu nhân viên đảm bảo đáp ứng yêu cầu của công việc, phân công nhiệm vụ cho nhân viên phù hợp với chuyên môn đào tạo và điều kiện thực tế của nhà trường. Hàng năm, nhân viên đều được đánh giá xếp loại từ mức hoàn thành nhiệm vụ trở lên.

Trong các năm học, bên cạnh khả năng tự học hỏi, tìm hiểu để nâng cao năng lực ở vị trí đảm nhận, một số nhân viên nhà trường được tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ để đáp ứng yêu cầu công việc, trường không có nhân viên nào bị xử lý kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

3. Điểm yếu

Công tác thư viện - thiết bị do mới tuyển dụng nên việc xây dựng thư viện chuẩn gặp nhiều khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Nhân viên thư viện - thiết bị tăng cường nâng cao năng lực công tác thông qua các lớp tập huấn. Kịp thời tham mưu với Ban giám hiệu về những khó khăn trong công tác thư viện, quản lý thiết bị để có biện pháp giải quyết.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Không đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt mức 2.

Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi học sinh theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Học sinh vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

Học sinh có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Học sinh trong toàn trường (kể cả học sinh khuyết tật) học đúng độ tuổi theo quy định [H14-2.4-01]; [H14-2.4-02]; [1.5-06].

Toàn thể học sinh đều thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quy định. Học sinh lễ phép, tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động do nhà trường tổ chức [1.5-01]; [H5-1.5-03]; [1.5-04].

Tất cả học sinh đều có quyền được học tập, vui chơi, tham quan, giải trí, chăm sóc sức khỏe và tham gia các hoạt động khác phù hợp với lứa tuổi của các em, được tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất, vệ sinh, an toàn, thân thiện để học tập và rèn luyện, học sinh được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu; được chăm sóc và giáo dục hoà nhập (đối với học sinh khuyết tật), học sinh nghèo vượt khó được nhà trường quan tâm, ưu tiên xét nhận học bổng do các tổ chức và cá nhân tài trợ. 100% học sinh đều được đảm bảo quyền theo Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học, Điều lệ trường phổ thông dân tộc bán trú [H14-2.4-03]; [2.4-04]; [H14-2.4-05]; [H14-2.4-06]; [2.4-07]; [2.4-08]; [1.5-01]; [H5-1.5-03]; [1.5-04]; [1.8-03].

Mức 2:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường không có học sinh vi phạm những điều học sinh không được làm. Khi có học sinh vi phạm những lỗi nhỏ trong nội quy thì GVCN nhắc nhở kịp thời để học sinh vi phạm nhận thức được và không tái phạm [H14-2.4-09]; [1.5-04]; [1.5-05]; [1.8-03].

Mức 3:

Hàng năm, vào dịp lễ tổng kết năm học nhà trường luôn tuyên dương và khen thưởng những học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện, học sinh tham gia tích cực, đầy đủ, đạt nhiều thành tích trong các phong trào thi đua, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao do nhà trường và các cấp tổ chức qua đó tạo ảnh hưởng tích cực đến sự phát triển của nhà trường [H14-2.4-10]. Tuy nhiên, chất lượng trong các hội thi do các cấp tổ chức đạt được chưa cao.

2. Điểm mạnh

100% học sinh của nhà trường đều đảm bảo đúng độ tuổi theo quy định và thực hiện tốt các nhiệm vụ của học sinh. Học sinh được đảm bảo các quyền theo quy

định, được học tập bình đẳng, được hưởng các chế độ chính sách theo quy định của học sinh ở vùng đặc biệt khó khăn; được tham gia các câu lạc bộ theo sở thích.

Hằng năm, nhà trường đều có đội tuyển học sinh giỏi tham gia dự thi cấp huyện và đạt giải đã thúc đẩy phong trào học tập tại trường. Ngoài ra, nhà trường còn có các đội tuyển tham dự phong trào thể dục, thể thao, võ thuật, văn nghệ tạo môi trường thi đua tích cực trong học sinh toàn trường góp phần vào sự phát triển toàn diện học sinh.

3. Điểm yếu

Chất lượng học sinh tham gia trong các hội thi cấp huyện, cấp tỉnh chưa cao, chưa có sự đầu tư, quan tâm nhiều dẫn đến thành tích đạt được trong các hội thi còn hạn chế. Các câu lạc bộ chưa hoạt động thường xuyên, hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Quan tâm, đầu tư nhiều hơn trong các hội thi do các cấp tổ chức, đồng thời có các hình thức động viên, khen thưởng học sinh kịp thời để tạo môi trường thi đua tích cực trong nhà trường.

Duy trì hoạt động, phát huy vai trò và nâng cao chất lượng hoạt động của các câu lạc bộ để tạo điều kiện các em được phát triển toàn diện về mọi mặt.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 2:

Điểm mạnh:

Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng đều có trình độ đào tạo đạt chuẩn, lập trường chính trị vững vàng, phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, có trình độ chuyên môn tốt, năng lực lãnh đạo, quản lý linh hoạt, nhạy bén, sáng tạo, hằng năm hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Nhà trường có đội ngũ giáo viên đoàn kết, nhiệt tình, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, yêu nghề và có trách nhiệm cao trong công việc. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn, được bồi dưỡng nghiệp vụ theo vị trí việc làm, hằng năm đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Học sinh nhà trường thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ học tập của mình. Học sinh vi phạm nội quy quy định của nhà trường được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp giáo dục phù hợp và có nhiều chuyển biến.

Điểm yếu:

Đa số nhân viên trong nhà trường là hợp đồng theo năm học nên chưa ổn định. Học sinh đạt giải trong cuộc thi học sinh giỏi cấp huyện thấp, chưa có học sinh đạt giải trong cuộc thi học sinh giỏi cấp tỉnh.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 4/4 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/4 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 4/4 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/4 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 0/4 - Tỉ lệ: 0%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 4/4 - Tỉ lệ: 100%

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học

Mở đầu:

Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học có vai trò quan trọng, tác động tích cực đến việc duy trì, nâng cao chất lượng giáo dục, sự an toàn trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường. Nhà trường có khu sân chơi, bãi tập phục vụ giảng dạy và học tập. Hàng năm nhà trường có biện pháp cải tạo, xây dựng, bảo vệ cảnh quan môi trường ngày thêm khang trang, đảm bảo xanh - sạch - đẹp. Vì vậy, nhà trường luôn quan tâm đến việc tham mưu, phối hợp với các cấp lãnh đạo, trực tiếp là Phòng GD&ĐT nên về cơ bản cơ sở vật chất hiện nay của nhà trường đảm bảo phục vụ các hoạt động quản lý, việc dạy và học của nhà trường.

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường luôn có ý thức giữ gìn vệ sinh, bảo vệ môi trường. Việc thu gom rác, xử lý chất thải được thực hiện hàng ngày, đã trở thành nề nếp, luôn luôn được duy trì thường xuyên.

Căn cứ tình hình thực tế, Hội đồng tự đánh giá trường PTDTBT TH&THCS Sơn Long tự đánh giá 06 tiêu chí trong tiêu chuẩn 3 với các nội dung cụ thể:

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập

Mức 1:

a) Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục;

b) Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc rào bao quanh;

c) Khu sân chơi, bãi tập có đủ thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn để luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục.

Mức 3:

Các trường nội thành, nội thị có diện tích ít nhất 6m²/học sinh; các trường khu vực nông thôn có diện tích ít nhất 10m²/học sinh; đối với trường trung học được thành lập sau năm 2001 đảm bảo có diện tích mặt bằng theo quy định. Khu sân chơi, bãi tập có diện tích ít nhất bằng 25% tổng diện tích sử dụng của trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Khuôn viên điểm trường THCS có tổng diện tích đất là 6145,7 m², khuôn viên điểm trường Tiểu học có tổng diện tích đất là 6432,3 m² đảm bảo cho hoạt động dạy và học theo quy định của Bộ GD&ĐT. Trong khuôn viên trường và các điểm lẻ đều có cây bóng mát, bồn hoa, cây cảnh luôn xanh, sạch, đẹp, thoáng mát đảm bảo an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường theo quy định [H15-3.1-01]; [H15-3.1-02]; [3.1-03].

Trường chính và các điểm trường đều có cổng trường, biển tên trường đúng quy định của Bộ GD&ĐT. Xung quanh trường có hệ thống tường rào chắc chắn, an toàn, không gây cản trở trong các hoạt động của nhà trường [3.1-03].

Khu sân chơi, bãi tập có đủ các thiết bị tối thiểu, đảm bảo an toàn đối với việc luyện tập thể dục, thể thao và các hoạt động giáo dục của nhà trường như: vui chơi, học thể dục, tập thể dục giữa giờ, chào cờ, hoạt động ngoại khóa, tổ chức chuyên đề và các hoạt động khác của trường [3.1-04].

Mức 2:

Khu sân chơi, bãi tập đáp ứng được yêu cầu tổ chức các hoạt động giáo dục, trường có sân cầu lông, bóng chuyền, bóng đá mini [H15-3.1-01]; [3.1-04].

Mức 3:

Tổng diện tích bình quân 29,94 m²/học sinh. Diện tích sân chơi, bãi tập đáp ứng được yêu cầu 25,56% tổng diện tích sử dụng của nhà trường. Tuy nhiên, sân chơi cũng là bãi tập trước dãy phòng học nên có ảnh hưởng đến việc dạy và học, hiện tại trường chưa có nhà đa năng cho việc tập luyện thể dục, thể thao.

2. Điểm mạnh

Tổng diện tích nhà trường đảm bảo mặt bằng theo quy định, trong khuôn viên trường chính và các điểm trường lẻ đều có bóng mát, cây cảnh, sân chơi phục vụ tốt cho các hoạt động giáo dục của nhà trường, có tường rào bao quanh.

3. Điểm yếu

Điểm trường THCS chưa có khu sân chơi, bãi tập riêng nên hiện nay sân chơi cũng là bãi tập trước dãy phòng học nên ảnh hưởng đến việc dạy học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Đẩy mạnh việc chăm sóc khuôn viên nhà trường ngày càng xanh, sạch, đẹp, an toàn phục vụ cho học sinh cũng như các hoạt động ngoài giờ lên lớp của nhà trường tốt hơn. Đầu tháng 9, năm học 2024-2025 trồng thêm 10 cây xanh tại 02 điểm trường chính và các điểm trường lẻ. Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục học sinh làm tốt công tác giữ gìn vệ sinh trường lớp, vệ sinh môi trường và thực hiện có hiệu quả các buổi lao động tập thể.

Sửa chữa lại sân trường để tạo nơi vui chơi, tập luyện an toàn cho học sinh.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập

Mức 1:

a) Phòng học có đủ bàn ghế phù hợp với tầm vóc học sinh, có bàn ghế của giáo viên, có bảng viết, đủ điều kiện về ánh sáng, thoáng mát; đảm bảo học nhiều nhất là hai ca trong một ngày;

b) Có đủ phòng học bộ môn theo quy định;

c) Có phòng hoạt động Đoàn - Đội, thư viện và phòng truyền thống.

Mức 2:

a) Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Khôi phục vụ học tập, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và theo quy định.

Mức 3:

Các phòng học, phòng học bộ môn có đủ các thiết bị dạy học theo quy định. Có phòng để tổ chức các hoạt động giáo dục cho học sinh hoàn cảnh đặc biệt (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có 24 phòng học kiên cố (trong đó trường chính bậc THCS có 12 phòng, điểm trường chính bậc Tiểu học có 12 phòng) và điểm trường lẻ có 02 phòng học bán kiên cố. Các phòng học có đầy đủ bàn ghế học sinh 02 chỗ ngồi đáp ứng đủ cho 419 học sinh của trường, phù hợp với lứa tuổi học sinh, tương đối đảm bảo theo yêu cầu của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKH-CN-BYT về tiêu chuẩn bàn ghế học sinh. Có đầy đủ bàn ghế giáo viên (01 bàn + 01 ghế), bảng viết chống lóa lớp học. Phòng học đảm bảo đủ điều kiện ánh sáng, thoáng mát, đủ điều kiện học 02 buổi/ngày [H16-3.2-01].

Trường có 05 phòng học bộ môn theo quy định cho các môn học gồm: 01 phòng Hóa - Sinh, 01 phòng Lý - Công nghệ, 01 phòng Nghệ thuật, 01 phòng Tin học, 01 phòng nghe nhìn phục vụ hiệu quả cho việc dạy và học [3.2-02].

Bên cạnh đó, trường có 01 phòng Đoàn - Đội, 01 phòng thư viện đạt chuẩn, 01 phòng truyền thống, 01 phòng y tế học đường và 01 phòng tư vấn tâm lý cho học sinh [H16-3.2-03]; [H16-3.2-04]; [H16-3.2-05].

Mức 2:

Phòng học, phòng học bộ môn được xây dựng đạt tiêu chuẩn theo quy định, đảm bảo điều kiện thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập [H16-3.2-01]; [3.2-02].

Khởi phục vụ học tập đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường và đúng quy định như phòng Đoàn - Đội, phòng thư viện, phòng thiết bị, phòng bộ môn, phòng truyền thống [H16-3.2-04]; [H16-3.2-05].

Mức 3:

Hiện nay, các phòng học, phòng học bộ môn của nhà trường có đầy đủ các thiết bị dạy học theo quy định tại Điều 41 Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT Điều lệ trường phổ thông có nhiều cấp học [H16-3.2-01]; [3.2-02].

2. Điểm mạnh

Trường có đủ phòng học, phòng học bộ môn cho học sinh học tập, bàn ghế học sinh đầy đủ, có bảng chống lóa đảm bảo quy định. Có phòng Đoàn - Đội; phòng thư viện, phòng truyền thống, phòng tư vấn tâm lý, phòng y tế hoạt động đảm bảo đúng quy định.

3. Điểm yếu

Trong quá trình giảng dạy, các phòng học bộ môn chưa được sử dụng thường xuyên. Còn quá ít học sinh mượn và đọc sách tại thư viện tự nghiên cứu hỗ trợ cho việc tự học của bản thân.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm học tiếp theo, giáo viên tăng cường sử dụng các phòng học bộ môn, đăng kí mượn trả và sử dụng thiết bị dạy học theo quy định. Bộ phận thư viện lên lịch mở cửa thư viện, lịch mượn, trả sách và lịch đọc sách ở thư viện

ngoài trời một cách cụ thể để học sinh, giáo viên nhà trường tham gia đọc sách, phát huy nhiều hơn vai trò của thư viện nhà trường. Lập sổ theo dõi mượn, trả và sử dụng sách của học sinh và giáo viên nhà trường.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

b) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự;

c) Định kỳ sửa chữa, bổ sung các thiết bị khối hành chính - quản trị.

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho giáo viên, nhân viên và học sinh.

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có khối hành chính - quản trị đáp ứng yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường gồm 01 phòng Hiệu trưởng, 02 phòng Phó hiệu trưởng, 01 phòng kế toán, 01 phòng văn thư, 01 phòng hội trường, 01 phòng họp [3.3-01].

Có khu để xe được bố trí ở vị trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự [3.3-02].

Hàng năm, trường tiến hành kiểm tra, tu sửa, mua sắm bổ sung trang thiết bị phục vụ cho khối hành chính - quản trị đảm bảo các hoạt động [H17-3.3-03]; [H6-1.6-05].

Mức 2:

Khối hành chính - quản trị được xây dựng, bố trí đúng quy định. Khu bếp, nhà ăn, nhà ở bán trú được bố trí, xây dựng phù hợp trong khuôn viên của trường, đảm bảo, an toàn, vệ sinh sức khỏe của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh [3.3-01]; [3.3-04].

Mức 3:

Khối hành chính - quản trị của trường có đầy đủ các thiết bị được sắp xếp hợp lý, khoa học, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động [3.3-01]; [H17-3.3-03]; [H6-1.6-05].

2. Điểm mạnh

Khối hành chính - quản trị đảm bảo theo đúng quy định. Phòng làm việc, trang thiết bị văn phòng phục vụ tốt công tác quản lý, hoạt động dạy và học. Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

3. Điểm yếu

Nhà xe điểm Tiểu học diện tích chưa đáp ứng được yêu cầu để xe của giáo viên.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Mở rộng diện tích nhà xe điểm Tiểu học từ 24 m² lên 40 m² vào cuối năm 2024.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt mức 3.

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, giáo viên, nhân viên, học sinh đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho học sinh khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có khu vệ sinh riêng dành cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và

học sinh (nhà vệ sinh nam, nữ riêng biệt) đảm bảo không ô nhiễm môi trường. Khu vệ sinh được bố trí hợp lý tại các dãy phòng làm việc và dãy phòng học được vệ sinh thường xuyên, sạch sẽ. Cụ thể: Ở trường chính bậc THCS có 03 nhà vệ sinh thuộc khu hiệu bộ, 01 nhà vệ sinh cho học sinh, các phòng công vụ, phòng ở bán trú của học sinh đều có nhà vệ sinh riêng; Ở bậc Tiểu học có 02 nhà vệ sinh cho giáo viên và học sinh [3.4-01].

Hệ thống thoát nước được xây dựng khoa học, đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước được chứng nhận kiểm nghiệm nước sạch của cơ quan y tế đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho giáo viên, nhân viên và học sinh của nhà trường [3.4-02]; [H18-3.4-03].

Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh trong nhà trường luôn có ý thức thu gom rác và xử lý chất thải trong ngày, giữ gìn vệ sinh môi trường. Trường bố trí hố rác và các thùng rác ở những vị trí hợp lý trong khuôn viên trường, thuận tiện cho việc xử lý rác và tập trung rác cho xe thu gom [H18-3.4-04].

Mức 2:

Khu vệ sinh được bố trí hợp lý, thuận tiện, xây dựng phù hợp với cảnh quan và đúng quy định [3.4-01].

Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải của nhà trường đáp ứng đúng quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế [3.4-02]; [H18-3.4-03]; [H18-3.4-04].

2. Điểm mạnh

Trường có khu vệ sinh riêng cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

Có đủ nước sạch sử dụng sinh hoạt hằng ngày. Nước uống hàng ngày của học sinh được lọc qua hệ thống lọc nước RO. Đồ dùng, dụng cụ bếp ăn bán trú đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Rác thải sinh hoạt được thu gom hàng ngày và xử lý đúng quy định, đảm bảo

môi trường xanh, sạch, đẹp. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên luôn có ý thức cao về việc giữ gìn vệ sinh môi trường.

3. Điểm yếu.

Một vài học sinh chưa có ý thức cao trong việc giữ gìn vệ sinh nên đôi lúc nhà vệ sinh, phòng ở bán trú chưa đảm bảo yêu cầu.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng.

Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho học sinh trong việc ý thức giữ gìn vệ sinh chung trong nhà trường. Thường xuyên thực hiện kế hoạch lao động hàng tuần (01 buổi/ tuần) vệ sinh môi trường, vệ sinh khu phòng ở bán trú và khai thông hệ thống thoát nước.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt			

Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hằng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hằng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3:

Phòng thí nghiệm hoặc khu vực thực hành (nếu có) đủ thiết bị đảm bảo hoạt động thường xuyên và hiệu quả; thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng giáo dục của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường có đầy đủ thiết bị văn phòng và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động [H19-3.5-01]; [H6-1.6-02].

Trường được trang bị đầy đủ các thiết bị dạy học tối thiểu các bộ môn, phục vụ cho giảng dạy và học tập đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT, các thiết bị, đồ dùng dạy học được sắp xếp ngăn nắp, khoa học trên các kệ, tủ đựng thiết bị, tranh ảnh được bao bọc và kẹp. Các phòng học bộ môn đảm bảo các thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Đồ dùng dạy học, kho chứa thiết bị, hóa chất đảm bảo quy định của Bộ GD&ĐT [H19-3.5-02]; [H16-3.2-04]; [H16-3.2-05].

Hằng năm, nhà trường tổ chức kiểm kê đánh giá thiết bị dạy học, đánh giá chất lượng thiết bị và có biện pháp bảo quản thay thế và sửa chữa, mua sắm bổ sung kịp thời [H19-3.5-01]; [H19-3.5-02]; [H19-3.5-03]; [H19-3.5-04]; [H19-3.5-05]; [H6-1.6-02].

Mức 2:

Trường có 06 đường trường truyền Internet của khối hành chính - quản trị và

03 dãy phòng học. Hệ thống máy tính của nhà trường được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học, cụ thể: Khối hành chính - quản trị của nhà trường có 06 máy vi tính để bàn được kết nối mạng Internet phục vụ công tác quản lý; phòng học Tin học có 57 máy tính được kết nối Internet; 04 phòng học bộ môn và 16 lớp học có tivi hoặc bảng tương tác được kết nối Internet để phục vụ hoạt động dạy học [H19-3.5-06]; [H19-3.5-07].

Trường có đủ thiết bị dạy học theo quy định. Các lớp học ở điểm trường chính được trang bị tivi, bảng tương tác có kết nối Internet phục vụ hoạt động dạy và học [H19-3.5-01]; [H19-3.5-02]; [H19-3.5-06]; [H6-1.6-02].

Hàng năm, trường sử dụng kinh phí ngân sách mua sắm, bổ sung các thiết bị dạy học. Ngoài ra, giáo viên còn tự làm một số đồ dùng dạy học phục vụ cho công tác giảng dạy. Bộ phận thư viện thiết lập sổ theo dõi giáo viên mượn trả thiết bị theo quy định. Cuối mỗi học kỳ và cuối năm học, trường đánh giá việc sử dụng đồ dùng, thiết bị lên lớp của các tổ chuyên môn và giáo viên [H19-3.5-05]; [H19-3.5-08].

Mức 3:

Phòng thực hành bộ môn được trang bị tương đối đầy đủ thiết bị phục vụ hoạt động dạy học [H16-3.2-05]. Tuy nhiên, việc sử dụng phòng học bộ môn chưa được thường xuyên. Ngoài ra, việc sử dụng đồ dùng dạy học sẵn có và đồ dùng dạy học tự làm của một số giáo viên còn ít, chưa mang lại hiệu quả cao.

2. Điểm mạnh

Có thiết bị và đồ dùng dạy học đảm bảo đúng quy định. Có đầy đủ máy tính và được kết nối Internet đầy đủ phục vụ công tác quản lý và dạy học.

Lãnh đạo nhà trường luôn quan tâm và chỉ đạo giáo viên sử dụng thiết bị dạy học hợp lý, ứng dụng công nghệ thông tin khi giảng dạy. Có hệ thống hồ sơ, sổ sách theo dõi việc sử dụng trang thiết bị của từng phòng học. Hầu hết giáo viên đều sử dụng thiết bị dạy học và thực hiện thí nghiệm đầy đủ nội dung, yêu cầu quy định trong chương trình môn học.

3. Điểm yếu

Việc sử dụng phòng học bộ môn và thiết bị dạy học tuy có hiệu quả nhưng chưa triệt để ở một số bộ môn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Khuyến khích giáo viên tự làm đồ dùng dạy học có hiệu quả mỗi giáo viên thiết kế và tự làm 02 đồ dùng dạy học tự làm/01 năm học. Bộ phận quản lý thiết bị thường xuyên theo dõi việc mượn và sử dụng đồ dùng dạy học sẵn có của giáo viên.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	c	Đạt	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt mức 2.

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học sinh;

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh

ảnh giáo dục, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên. Hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thư viện của nhà trường được trang bị, bổ sung sách giáo khoa từ khối 1 đến khối 9 ở tất cả các môn học, báo, bản đồ, tranh ảnh giáo dục, băng đĩa và các ấn phẩm có chỉnh lý đều được thư viện bổ sung kịp thời phục vụ hoạt động dạy và học [H20-3.6-01]; [H20-3.6-02].

Thư viện trường hoạt động các ngày trong tuần theo giờ hành chính đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh. Bên cạnh đó, thư viện còn phối hợp với liên đội tổ chức thi kể chuyện theo sách, trang trí giới thiệu sách, ngày hội đọc sách [H20-3.6-02]; [H20-3.6-03].

Hàng năm, thư viện tổ chức kiểm kê định kỳ theo quy định. Qua kiểm kê, giúp thư viện đánh giá được tình trạng thiếu, đủ, hư hỏng của các trang thiết bị, sách giáo khoa và các loại sách khác để kịp thời có kế hoạch tham mưu, mua sắm bổ sung hay thanh lý các ấn phẩm báo, bản đồ đã cũ, để phục vụ tốt việc dạy và học [H20-3.6-01]; [H20-3.6-02]; [H20-3.6-03]; [H19-3.5-02].

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học chuẩn theo Quyết định số 100/QĐ-PGDĐT ngày 28/8/2024 của Phòng GD&ĐT Sơn Tây [H20-3.6-04].

Mức 3:

Thư viện trường chưa được công nhận được Thư viện trường học tiên tiến. Hệ thống máy tính, mạng Internet trong Thư viện chưa đảm bảo, chưa đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh.

2. Điểm mạnh

Thư viện của nhà trường được trang bị đầy đủ các thiết bị, sách giáo khoa, báo,... phục vụ hoạt động dạy học. Thư viện nhà trường hoạt động các ngày trong tuần theo giờ hành chính đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh.

3. Điểm yếu

Các loại sách, báo của thư viện chưa đa dạng. Học sinh chưa thường xuyên mượn và đọc sách trong thư viện để phục vụ việc học tập.

Thư viện nhà trường chưa được công nhận Thư viện trường học tiên tiến.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong thời gian đến, nhà trường sẽ tăng cường mua sắm bổ sung các đầu sách tham khảo cho giáo viên và học sinh. Đặt biệt các đầu sách phù hợp với các em học sinh bậc Tiểu học. Rèn luyện cho học sinh thói quen mượn, đọc sách.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thư viện nhà trường đáp ứng đủ các yêu cầu của Thư viện trường học tiên tiến.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-	-	-	-

c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt mức 2.**Kết luận về Tiêu chuẩn 3:**

Điểm mạnh:

Công tác quản lí cơ sở vật chất của nhà trường thực hiện đúng quy định, đảm bảo sử dụng đúng mục đích. Mỗi năm đều có tổ chức kiểm kê tài sản. Các phòng học của nhà trường bố trí hợp lí, cảnh quan sạch, đẹp, an toàn, thân thiện.

Điểm yếu:

Giáo viên chưa thường xuyên trong việc sử dụng đồ dùng dạy học tự làm và sẵn có trong các tiết dạy lên lớp. Học sinh chưa hình thành được thói quen mượn, đọc sách nâng cao tư duy cho việc học tập của bản thân.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 1/5 - Tỉ lệ: 20%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 4/5 - Tỉ lệ: 80%

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu:

Giáo dục là một tổng hoà các mối quan hệ xã hội. Xã hội hóa giáo dục là một chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước phù hợp với tất cả các tầng lớp xã hội.

Để thực hiện có hiệu quả các hoạt động giáo dục trong nhà trường, vấn đề giáo dục đạo đức cho học sinh, công tác vận động học sinh bỏ học đi học trở lại và vấn đề tảo hôn ở địa phương, trường đã xây dựng kế hoạch phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong việc quản lý, giáo dục học sinh. Ngay từ đầu mỗi năm học, nhà trường họp cha mẹ học sinh cung cấp, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, kế hoạch phát triển giáo dục và các vấn đề liên quan đến học sinh và cha mẹ học sinh trong công tác giáo dục, học tập, rèn luyện đạo đức, lối sống và các chế độ thụ hưởng của học sinh.

Trong quá trình đó, nhà trường luôn phát huy tốt vai trò lãnh đạo, chỉ đạo cấp dưới, tham mưu cấp trên, phối hợp với các cơ quan, ban ngành, đoàn thể địa phương, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các chính sách về giáo dục qua đó tranh thủ sự ủng hộ, đồng hành, giúp đỡ của các cấp, của các lực lượng xã hội đối với công tác giáo dục của nhà trường.

Căn cứ tình hình thực hiện nhiệm vụ, Hội đồng tự đánh giá của trường PTDTBT TH&THCS Sơn Long đánh giá kết quả 2 tiêu chí trong Tiêu chuẩn 4 như sau:

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật,

chủ trương chính sách về giáo dục đối với cha mẹ học sinh; huy động học sinh đến trường, vận động học sinh đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Vào đầu mỗi năm học, trường đều xây dựng kế hoạch tổ chức họp cha mẹ học sinh ở tất cả các khối lớp để bầu Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, trường theo Điều lệ quy định tại Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Mỗi lớp có Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp gồm 04 thành viên. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường hiện nay gồm 18 thành viên gồm: 01 trưởng ban, 02 phó ban, 01 thư ký và 14 ủy viên là đại diện cha mẹ học sinh các lớp [H21-4.1-01]; [H21-4.1-02]; [H21-4.1-03].

Hằng năm, Ban đại diện cha mẹ học sinh của nhà trường đã xây dựng quy chế, kế hoạch hoạt động năm học có sự tham gia đóng góp ý kiến của Ban đại diện cha mẹ học sinh của các lớp, toàn thể cha mẹ học sinh và Ban giám hiệu nhà trường nhằm phát huy tốt công tác phối hợp giữa gia đình, nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục [H21-4.1-04]; [H21-4.1-05].

Ban đại diện cha mẹ học sinh đã tổ chức thực hiện hoạt động theo đúng kế hoạch và tiến độ đề ra. Đầu năm học, Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường thông qua chương trình hoạt động cả năm học và vào cuối năm học đều có tổng kết hoạt động nhằm đánh giá những công việc đã tham gia cùng với nhà trường [H21-4.1-06].

Mức 2:

Ban đại diện cha mẹ học sinh phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Thông qua các cuộc họp cha mẹ học sinh, Ban đại diện cha mẹ học sinh hướng dẫn, tuyên truyền về các nạn tảo hôn, tình trạng bỏ học, học “giã gạo”. Phối hợp cùng với trường trong việc huy động học sinh ra lớp, vận động học sinh đã bỏ học trở lại trường tham gia học tập [H21-4.1-07].

Mức 3:

Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp, của trường có sự phối hợp với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, tuy nhiên mang lại hiệu quả chưa cao.

2. Điểm mạnh

Ban đại diện cha mẹ học sinh của Nhà trường hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh của Bộ GD&ĐT ban hành theo Thông tư 55/2011/TT-BGDĐT.

Nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện cha mẹ học sinh hoạt động.

Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn sẵn sàng hợp tác, phối hợp cùng với nhà trường trong việc giáo dục học sinh cũng như vận động học sinh ra lớp.

3. Điểm yếu

Còn một số cha mẹ học sinh chưa nhiệt tình trong công tác phối hợp với giáo viên chủ nhiệm để làm tốt công tác giáo dục đạo đức cho học sinh. Một số Ban đại diện cha mẹ học sinh của lớp hoạt động chưa thực sự tích cực trong hoạt động giáo dục của nhà trường.

Cha mẹ học sinh còn nhiều khó khăn về kinh tế, nghề nghiệp chủ yếu là nghề nông, làm thuê, làm nương rẫy, vì vậy, chưa có nhiều điều kiện để tham gia, phối hợp với nhà trường trong công tác giáo dục học sinh.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục tạo điều kiện cho Ban Đại diện cha mẹ học sinh hoạt động hiệu quả hơn, đẩy mạnh và nâng cao trách nhiệm

của cha mẹ học sinh, tạo mọi điều kiện cho Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đầy đủ nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm theo Điều lệ Ban Đại diện cha mẹ học sinh.

Huy động Ban đại diện cha mẹ học sinh tích cực đề xuất các biện pháp giáo dục học sinh và tham gia tuyên truyền, vận động học sinh đạt hiệu quả cao.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt mức 2.

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung giáo dục khác cho học sinh; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3:

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, giáo dục của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trong từng năm học, nhà trường căn cứ vào tình hình thực tế đã tham mưu với cấp ủy Đảng, Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục, kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch tựu trường, kế hoạch vận động học sinh ra lớp. Có các văn bản của nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục [H22-4.2-01]; [H1-1.1-01].

Trường đã phối hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành Giáo dục; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Hằng năm, nhà trường tham mưu, phối hợp tổ chức Hội nghị giáo dục tại xã để đánh giá thực trạng, bàn giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục tại địa phương. Nhà trường thường xuyên tuyên truyền đến cán bộ, giáo viên, nhân viên và cha mẹ học sinh về chủ trương về mục tiêu nội dung và kế hoạch giáo dục của nhà trường thông qua các buổi họp cha mẹ học sinh và họp Ban đại diện cha mẹ học sinh. Hằng năm, nhà trường phối hợp với các ban ngành, đoàn thể của địa phương như: phối hợp với Công an xã

về việc đảm bảo trật tự, an toàn trường học, tuyên truyền về an toàn giao thông, phòng chống bạo lực học đường, phòng chống cháy nổ [H22-4.2-02]; [H21-4.1-01]; [H10-1.10-04].

Tham mưu với Hội khuyến học các cấp, các tổ chức từ thiện, các nhà hảo tâm và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong nhà trường về việc hỗ trợ kinh phí, giúp đỡ học sinh nghèo, có hoàn cảnh khó khăn nhằm nâng dần chất lượng giáo dục của nhà trường. Phối hợp với các bộ phận trong trường và các ban ngành, đoàn thể xã tham gia huy động học sinh ra lớp, đi học đầy đủ [H22-4.2-03].

Mức 2:

Trường đã chủ động tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch và các biện pháp tổ chức các hoạt động giáo dục của nhà trường, xây dựng kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục hằng năm và kế hoạch sửa chữa, bổ sung, xây dựng cơ sở vật chất, huy động xã hội hóa giáo dục, kế hoạch trường chuẩn, kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường để cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương tạo điều kiện cho nhà trường từng bước thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển [H1-1.1-01].

Hằng năm, nhà trường phối hợp với các cơ quan đoàn thể, hội cựu chiến binh trong việc thăm hỏi, tặng quà cho các gia đình chính sách, người có công với cách mạng nhân ngày Thương binh, Liệt sĩ (27/7), chăm sóc nghĩa trang Liệt sĩ huyện Sơn Tây, qua đó giúp học sinh hiểu và tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc. Giúp các em ra sức cố gắng học tập góp một phần nhỏ công sức xây dựng đất nước ngày càng phát triển hơn. Ngoài ra, hằng năm, nhà trường đều tổ chức và tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động văn nghệ, thể thao do trường và các cấp tổ chức [4.2-04].

Mức 3:

Hằng năm trường đăng ký và được công nhận đạt danh hiệu đơn vị văn hóa (năm 2019, 2021) [H22-4.2-05]. Tuy nhiên, với phạm vi và chức năng của nhà trường thì chưa đủ để tổ chức được các sự kiện lễ hội, văn hóa của địa phương

trong nhà trường.

2. Điểm mạnh

Trường đã tham mưu hiệu quả với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục và huy động các nguồn lực hợp pháp hỗ trợ học sinh. Trường quản lý, sử dụng các nguồn lực huy động đảm bảo công khai, minh bạch, đúng mục đích.

Sự phối hợp giữa Ban giám hiệu, Ban đại diện cha mẹ học sinh và lãnh đạo địa phương đã tạo mọi điều kiện về vật chất, tinh thần cho công tác huy động sự tham gia của cộng đồng giáo dục truyền thống lịch sử, văn hoá dân tộc cho học sinh và thực hiện mục tiêu, kế hoạch giáo dục.

3. Điểm yếu

Công tác phối hợp với các tổ chức xã hội ngoài nhà trường chưa đa dạng, phong phú, chưa huy động hết tiềm lực của các tổ chức xã hội và cá nhân ngoài nhà trường tham gia đóng góp vào hoạt động giáo dục.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục làm tốt công tác xã hội hoá giáo dục, huy động các lực lượng xã hội tham gia vào các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tham mưu các cấp có thẩm quyền thành lập Hội khuyến học xã, lan tỏa tinh thần hiếu học, cải thiện chất lượng giáo dục xã nhà.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-

Đạt	Đạt	Không đạt
-----	-----	-----------

Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh:

Công tác phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện cha mẹ học sinh luôn được duy trì tốt qua nhiều năm, nhà trường luôn tạo điều kiện thuận lợi cho Ban đại diện cha mẹ học sinh thực hiện đảm bảo nhiệm vụ, quyền, trách nhiệm và hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh; đồng thời giúp nhà trường nắm bắt kịp thời và giải quyết các kiến nghị của cha mẹ học sinh.

Trường thực hiện tốt mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác huy động các nguồn lực hỗ trợ xây dựng trường, tạo môi trường giáo dục ngày càng tốt hơn. Trường phối hợp với các tổ chức, đoàn thể địa phương trong công tác giáo dục truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, thực hiện đảm bảo mục tiêu, kế hoạch giáo dục, vận động quyên góp các đơn vị, cá nhân thiện nguyện như: sách, vở, quần áo, giày dép, xe đạp,... kịp thời hỗ trợ, động viên học sinh, góp phần tích cực ngăn chặn học sinh bỏ học, vắng học thường xuyên.

Điểm yếu:

Hầu hết cha mẹ học sinh còn hạn chế trong việc quan tâm đến việc học tập, rèn luyện của con em, ít đồng hành với nhà trường. Tại địa phương không có nhiều doanh nghiệp và các cơ sở kinh doanh lớn nên việc huy động các nguồn lực ủng hộ về xây dựng cơ sở vật chất cho nhà trường còn gặp những hạn chế nhất định.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 2/2 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/2 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 2/2 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/2 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 0/2 - Tỉ lệ: 0%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 2/2 - Tỉ lệ: 100%

Tiêu chuẩn 5: Hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục

Mở đầu:

Chất lượng giáo dục là yếu tố cốt lõi tạo nên uy tín đích thực của nhà trường, là vấn đề then chốt đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Trong những năm qua, nhà trường thực hiện nghiêm túc sự lãnh đạo, chỉ đạo của Phòng GD&ĐT về việc thực hiện nhiệm vụ năm học. Trường luôn quan tâm, động viên, phối hợp các đoàn thể, chỉ đạo các tổ chuyên môn rà soát các biện pháp để cải tiến các hoạt động giáo dục của giáo viên. Nhờ đó hoạt động giáo dục và kết quả giáo dục toàn diện của nhà trường ngày càng được nâng lên so với trước đây.

Nhằm nâng cao chất lượng hai mặt giáo dục, nhà trường luôn chú trọng đến việc tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, khuyến khích sự tham gia chủ động, tự giác của học sinh kết hợp với việc giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống từ đó hình thành cho học sinh ý thức tham gia giữ gìn vệ sinh môi trường, vệ sinh cá nhân.

Hiệu trưởng nhà trường chỉ đạo giáo viên giảng dạy đúng, đủ nội dung chương trình, linh động, sáng tạo, tổ chức các hoạt động học phong phú, thực hiện tốt việc dạy học lồng ghép, tích hợp,... hướng đến mục tiêu giáo dục toàn diện cho học sinh về đức, trí, thể, mỹ và lao động.

Căn cứ chất lượng giáo dục trong những năm qua, Hội đồng tự đánh giá trường PTDTBT TH&THCS Sơn Long tự đánh giá 06 tiêu chí trong tiêu chuẩn 5 như sau:

Tiêu chí 5.1: Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông

Mức 1:

- a) *Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động giáo dục theo quy định, đảm bảo mục tiêu giáo dục;*
- b) *Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung giáo dục, phù hợp đối tượng học sinh và điều kiện nhà trường; bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn;*
- c) *Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh đa dạng đảm bảo khách quan và hiệu quả.*

Mức 2:

- a) *Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh;*
- b) *Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.*

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của giáo viên, học sinh.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường đã xây dựng, chỉ đạo giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục, theo sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT Quảng Ngãi, Phòng GD&ĐT Sơn Tây và các văn bản hướng dẫn phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường và địa phương được thể hiện trong kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch chuyên môn, sổ ghi chép

sinh hoạt chuyên môn và các văn bản chỉ đạo về nhiệm vụ năm học [H23-5.1-01]; [H24-5.1-01]; [H7-1.7-01]; [H8-1.8-01].

Hàng năm, nhà trường phân công chuyên môn, xây dựng thời khóa biểu với đầy đủ các môn học theo quy định, đúng chương trình, kế hoạch kế hoạch năm học; có kế hoạch dạy học theo chuẩn kiến thức kỹ năng, phát triển phẩm chất và năng lực theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Trong quá trình giảng dạy, giáo viên bồi dưỡng phương pháp tự học, nâng cao khả năng làm việc theo nhóm và rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cho học sinh [5.1-02]; [H25-5.1-03]; [5.1-04]; [H7-1.7-07]; [1.8-03].

Công tác kiểm tra, đánh giá học sinh được thực hiện theo đúng quy định, đa dạng về hình thức thể hiện đầy đủ trong hồ sơ kiểm tra học kì, sổ theo dõi và đánh giá học sinh, sổ tổng hợp đánh giá học sinh, báo cáo chuyên môn, báo cáo sơ kết, báo cáo năm học, báo cáo tổng kết và biên bản họp Hội đồng sư phạm [5.1-05]; [1.5-05]; [H1-1.1-06]; [H8-1.8-02].

Mức 2:

Trường chỉ đạo, tổ chức thực hiện đúng chương trình, kế hoạch giáo dục; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học, sách giáo khoa phù hợp với từng học sinh, từng cấp học và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của học sinh từng cấp học [5.1-06]; [H26-5.1-09]; [H27-5.1-09]; [H7-1.7-01]; [H8-1.8-01].

Hàng năm đầu năm học, trường chỉ đạo giáo viên bộ môn rà soát, phân loại, lựa chọn học sinh để bồi dưỡng những học sinh có năng khiếu, học sinh giỏi theo môn học và phù đạo học sinh yếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập, cũng như thường xuyên tổ chức Hội thi giáo viên dạy giỏi, GVCN giỏi cấp trường để giáo viên có điều kiện học hỏi đồng nghiệp, nâng cao tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện [H25-5.1-03]; [5.1-07]; [H25-5.1-08].

Mức 3:

Hàng năm, nhà trường họp toàn thể Hội đồng sư phạm để đánh giá, tìm giải pháp nâng cao chất lượng các hoạt động giáo dục bồi dưỡng học sinh giỏi, học sinh năng khiếu và phụ đạo học sinh yếu của trường [H1-1.1-06]; [H2-1.2-02]; [H8-1.8-02]. Tuy nhiên, việc rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nhằm nâng cao chất lượng dạy học hằng năm của nhà trường chưa thường xuyên.

2. Điểm mạnh

Ngay từ đầu mỗi năm học trường xây dựng kế hoạch chuyên môn từng năm học, từng học kỳ, tháng, tuần.

Thực hiện chương trình giáo dục, kế hoạch dạy học. Thực hiện dạy đủ các môn học theo đúng quy định; có kế hoạch giảng dạy rõ ràng cụ thể bám sát yêu cầu cơ bản của chuẩn kiến thức, kỹ năng; phát triển phẩm chất và năng lực theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018, có lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng học sinh để đảm bảo chất lượng dạy và học, đáp ứng khả năng nhận thức và yêu cầu phát triển trong điều kiện thực tế của địa phương; thực hiện bồi dưỡng học sinh giỏi, năng khiếu và hỗ trợ học sinh gặp khó khăn trong học tập.

3. Điểm yếu

Việc xây dựng kế hoạch dạy học của nhà trường nhiều lúc còn máy móc theo khung chương trình của Bộ GD&ĐT, tính phù hợp với đặc điểm tình hình của nhà trường chưa cao.

Chưa có giải pháp đột phá trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi khối 9 ở các môn học.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Thường xuyên tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá kết quả của hoạt động dạy học và đề ra các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động giáo dục nâng cao chất lượng dạy học của nhà trường và các hoạt động giáo dục khác. Đồng thời có

những thay đổi kế hoạch dạy học phù hợp với đặc điểm tình hình của nhà trường.

Nhà trường cần có kế hoạch, giải pháp hiệu quả trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi nhằm nâng cao chất lượng trong hội thi học sinh giỏi cấp huyện hằng năm.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện

Mức 1:

a) Có kế hoạch giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện;

c) Hằng năm rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.

Mức 2:

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục.

Mức 3:

Nhà trường có học sinh năng khiếu về các môn học, thể thao, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền ghi nhận.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, trường, các tổ chuyên môn, GVCN và GVBM có kế hoạch hoạt động giáo dục đối với học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện chi tiết cụ thể. Học sinh khuyết tật học hoà nhập được thực hiện kế hoạch dạy học linh hoạt phù hợp với khả năng của từng cá nhân học sinh và quy định về giáo dục hoà nhập dành cho người khuyết tật [H28-5.2-01]; [H28-5.2-02]; [H28-5.2-03]; [H28-5.2-04].

Tổ chức, tham gia thường xuyên, đầy đủ các cuộc thi, Hội thi cấp trường, cấp huyện, cấp tỉnh. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, các câu lạc bộ Tiếng Anh, nghệ thuật, thể dục - thể thao, tổ chức sinh hoạt tập thể cho học sinh trong các dịp lễ lớn trong năm như khai giảng năm học, kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam, Tết Nguyên Đán, ngày thành lập Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh,... [H28-5.2-05]; [H8-1.8-01].

Hàng năm, trường tổ chức rà soát, đánh giá các hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, động viên các học sinh có năng khiếu, giúp đỡ các học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện bằng những phần thưởng hay học bổng để động viên khuyến khích. Qua đó, kịp thời điều chỉnh kế hoạch giáo dục phù hợp hơn với thực tế nhà trường; đồng thời, rút kinh nghiệm cho những năm học sau [H28-5.2-06]; [1.5-04]; [H8-1.8-02].

Mức 2:

Hằng năm, tỷ lệ học sinh khá, giỏi của nhà trường đạt chỉ tiêu đề ra, tỷ lệ học sinh xếp loại học lực yếu kém của nhà trường ngày càng giảm; số lượng và chất lượng học sinh đạt giải các kỳ thi, cuộc thi năm sau luôn cao hơn năm trước, đảm bảo theo chỉ tiêu kế hoạch năm học. Học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện đã đáp ứng được mục tiêu giáo dục theo kế hoạch giáo dục của nhà trường, trong từng năm học tỷ lệ học sinh yếu giảm so với đầu năm thể hiện trong báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo chuyên môn, sổ chủ nhiệm, sổ đánh giá học sinh của từng lớp học, đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có sáng kiến về phụ đạo học sinh yếu, học sinh khó khăn, các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục được cấp có thẩm quyền công nhận [H28-5.2-05]; [H8-1.8-02]; [2.2-08].

Mức 3:

Trong các năm học, trường đều có học sinh đạt giải thi học sinh giỏi cấp huyện, tỉnh trong các cuộc thi như: cuộc thi về truyền thông cấp tỉnh, hội thi học sinh giỏi lớp 9 cấp huyện, hội thi “Tài năng tiếng Anh” cấp huyện, hội thi “Viết chữ đúng rèn chữ đẹp” bậc Tiểu học cấp huyện, hội thi “Hội khỏe Phù Đổng” cấp huyện,... Ngoài ra, trong các cuộc thi do huyện, tỉnh tổ chức, học sinh luôn năng nổ tập luyện, tham gia nhiệt tình và đem lại nhiều thành tích tốt [H28-5.2-06].

2. Điểm mạnh

Trường đã khảo sát, phân loại học sinh ngay từ đầu năm học, có kế hoạch dạy học phù hợp với đối tượng học sinh. Học sinh khuyết tật học hoà nhập được thực hiện kế hoạch dạy học linh hoạt, phù hợp với khả năng của từng học sinh và quy định về giáo dục hoà nhập dành cho người khuyết tật. Trường thực hiện dạy đủ các môn học theo đúng quy định ở Tiểu học, THCS; có kế hoạch tăng thời lượng dạy môn Tiếng Việt và Toán cho học sinh có khó khăn về nhận thức; bám sát yêu cầu cơ bản của chuẩn kiến thức, kỹ năng; có lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức phù hợp với từng đối tượng học sinh để đảm bảo chất lượng dạy và học, đáp ứng khả năng nhận thức, yêu cầu phát triển trong điều kiện thực tế của địa phương.

3. Điểm yếu

Việc thực hiện điều chỉnh mục tiêu, nội dung chương trình cho phù hợp với địa phương chưa được thực hiện đồng bộ ở giáo viên; việc tổ chức bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh chậm tiến bộ chưa được tiến hành đa dạng, phong phú.

Một số nội dung trong Hội khỏe Phù Đổng cấp huyện và thi Học sinh giỏi, Viết chữ đúng - Rèn chữ đẹp đạt giải chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tư vấn, hỗ trợ đội ngũ giáo viên mạnh dạn điều chỉnh mục tiêu, nội dung cho phù hợp với thực tiễn của địa phương. Cải tiến đa dạng các hình thức tổ chức bồi dưỡng học sinh năng khiếu, rèn luyện học sinh chậm tiến bộ.

Trường tiếp tục tạo điều kiện giúp đỡ các em có hoàn cảnh khó khăn có học bổng để nâng cao chất lượng học tập. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các em có năng khiếu phát huy hết khả năng của mình học tập và rèn luyện.

Trường chú trọng bồi dưỡng học sinh có năng khiếu về văn nghệ, thể thao, để tham gia hội thi đạt giải cao.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Đạt	

Đạt mức 3.

Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định

Mức 1:

- a) Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh được thực hiện theo kế hoạch;
- b) Các hình thức kiểm tra, đánh giá học sinh về nội dung giáo dục địa phương đảm bảo khách quan và hiệu quả;
- c) Hằng năm, rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương.

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương phù hợp với mục tiêu môn học và gắn lý luận với thực tiễn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Trường thực hiện đầy đủ nội dung giáo dục địa phương cho học sinh. Giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học địa phương đảm bảo phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương và theo quy định của Sở GD&ĐT Quảng Ngãi [H29-5.3-01]; [H29-5.3-02].

Giáo viên đã thực hiện việc kiểm tra, đánh giá các nội dung giáo dục địa phương đối với học sinh với nhiều hình thức như: vấn đáp, trắc nghiệm, tự luận sau mỗi một nội dung kiến thức đảm bảo tính khách quan, công bằng và hiệu quả cao thông qua một số tiết dạy trong kế hoạch dạy học giáo dục địa phương, đề kiểm tra định kỳ các môn học [5.3-03].

Mỗi năm học, trường thực hiện rà soát, đánh giá, cập nhật tài liệu thiết thực với tình hình thực tế của địa phương để điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương phù hợp trong giảng dạy ở các môn cấp THCS và cấp Tiểu học [H29-5.3-01]; [1.5-04]; [H8-1.8-02].

Mức 2:

Nội dung giáo dục địa phương của nhà trường được xây dựng phù hợp với mục

tiêu môn học, gắn lý luận với thực tiễn [H29-5.3-01]; [H29-5.3-02].

2. Điểm mạnh:

Trường đã chỉ đạo xây dựng và triển khai thực hiện đầy đủ kế hoạch giáo dục địa phương. Nội dung giáo dục địa phương cho học sinh phù hợp với mục tiêu môn học, gắn liền với thực tế địa phương giúp các em hiểu biết hơn và tự hào, phát huy hơn nữa truyền thống tốt đẹp của quê hương.

3. Điểm yếu

Việc tổ chức cho học sinh tham quan các di tích lịch sử, các điểm du lịch nổi tiếng của địa phương còn hạn chế. Tài liệu giáo dục địa phương còn ít, chưa phong phú.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trường tiếp tục triển khai đầy đủ các văn bản của ngành về hướng dẫn học chương trình địa phương đến cán bộ quản lý, giáo viên, hướng dẫn giáo viên rà soát, đánh giá, sưu tầm, đề xuất điều chỉnh nội dung giáo dục địa phương phù hợp với từng giai đoạn.

Trong các năm học tiếp theo, trường tiếp tục tham mưu các cấp việc tổ chức cho giáo viên và học sinh được đi tham quan, thực tế các di tích lịch sử, các di sản văn hóa.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	-	-
b	Đạt	-	-	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt			

Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp

Mức 1:

a) Có kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường;

b) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo kế hoạch;

c) Phân công, huy động giáo viên, nhân viên trong nhà trường tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

Mức 2:

a) Tổ chức được các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp với các hình thức phong phú phù hợp học sinh và đạt kết quả thiết thực;

b) Định kỳ rà soát, đánh giá kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, trường xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp theo quy định và phù hợp với điều kiện của nhà trường [H30-5.4-01]; [H30-5.4-02].

Trường đã chỉ đạo các tổ chức đoàn thể, giáo viên tổ chức được các hoạt động trải nghiệm theo đúng kế hoạch giáo dục đã xây dựng, huy động được toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên của trường cùng tham gia được thể hiện trong Quyết định phân công nhiệm vụ đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và bảng phân công chuyên môn, thời khóa biểu [H30-5.4-01]; [H7-1.7-06]; [H7-1.7-07].

Hiệu trưởng phân công, huy động giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn, nhân viên tham gia các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cùng với học sinh phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường [H30-5.4-01]; [H30-5.4-02]; [H7-1.7-06];

[H7-1.7-07].

Mức 2:

Trường đã tổ chức các hoạt động trải nghiệm theo chủ đề, chủ điểm từng tháng, từng năm học, phong phú, phù hợp với học sinh, mang lại hiệu quả thiết thực, có tính giáo dục cao như: thi cắm hoa, làm báo tường, gian hàng ẩm thực, thi đan lát, thi gói bánh nhân dịp Tết Nguyên Đán, thi các trò chơi dân gian và các hoạt động ngoại khoá khác,... [5.4-03].

Sau mỗi học kỳ, trường đều có đánh giá kết quả tổ chức các hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh, từ đó rút ra được bài học kinh nghiệm để cải tiến chất lượng các hoạt động cho tốt hơn được thể hiện trong báo cáo sơ kết, tổng kết, báo cáo chuyên môn hằng năm [H8-1.8-02].

2. Điểm mạnh

Trường đã tổ chức các hoạt động giáo dục trải nghiệm, hướng nghiệp cho học sinh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của nhà trường. Học sinh hiểu được tầm quan trọng của giáo dục hướng nghiệp; nắm bắt được nhu cầu phát triển kinh tế đất nước, lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với năng lực bản thân trên cơ sở những nghề xã hội đang có nhu cầu nhân lực.

3. Điểm yếu

Hình thức hướng nghiệp cho học sinh chưa đa dạng, phong phú vì điều kiện của địa phương nên hiệu quả phân luồng sau THCS chưa cao.

Một số học sinh thiếu tự tin trong các hoạt động trải nghiệm do trường tổ chức. Ở địa phương, một số cơ sở sản xuất, chăn nuôi, trồng trọt chưa có quy mô lớn, kết cấu hạ tầng chưa đảm bảo, nguồn kinh phí khó khăn nên chưa tổ chức được các buổi trải nghiệm thực tế tại các cơ sở sản xuất, di tích trên địa bàn tỉnh để học sinh và giáo viên tham gia.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm học tiếp theo, nhà trường sẽ phối hợp tốt hơn nữa với chính

quyền địa phương, cha mẹ học sinh và các trường THPT, trường nghề trong việc tuyên truyền, hướng nghiệp cho học sinh sau tốt nghiệp THCS.

Tổ chức cho học sinh tham quan, trải nghiệm các cơ sở sản xuất, di tích, danh lam thắng cảnh trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-	-
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt			

Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh

Mức 1:

a) Có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương;

b) Quá trình rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh có chuyển biến tích cực thông qua các hoạt động giáo dục;

c) Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam.

Mức 2:

a) Hướng dẫn học sinh biết tự đánh giá kết quả học tập và rèn luyện;

b) Khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn của học sinh từng bước hình thành và phát triển.

Mức 3:

Bước đầu, học sinh có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ theo người hướng dẫn, chuyên gia khoa học và người giám sát chỉ dẫn.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, nhà trường có kế hoạch định hướng giáo dục học sinh hình thành, phát triển các kỹ năng sống phù hợp với khả năng học tập của học sinh, điều kiện nhà trường và địa phương. Đầu mỗi năm học, nhà trường thành lập tổ Tư vấn trường học, qua đó kịp thời tư vấn về tâm lý lứa tuổi, sức khỏe vị thành niên và các vấn đề tâm lý của học sinh, giúp học sinh tự tin chia sẻ, gần gũi, mạnh dạn hơn trong học tập và rèn luyện. Bên cạnh đó, nhà trường còn thành lập Ban quản lý bán trú có trách nhiệm hướng dẫn học sinh các kỹ năng sống, sinh hoạt hằng ngày [H31-5.5-01]; [H31-5.5-02]; [2.4-04]; [H14-2.4-09].

Việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong nhà trường như lồng ghép vào các tiết học, hoạt động ngoài giờ lên lớp là một trong những con đường giáo dục có hiệu quả trong việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. Ngoài ra, nhà trường còn tổ chức các buổi tuyên truyền pháp luật trong giờ chào cờ để trang bị những kiến thức pháp luật liên quan đến đời sống, học tập của học sinh góp phần nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật cho học sinh như truyền thông phòng chống tai nạn đuối nước, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống xâm hại tình dục trẻ em, phòng chống bạo lực học đường, phòng tránh ma túy, thuốc lá, rượu bia nhằm rèn luyện, tích lũy kỹ năng sống, hiểu biết xã hội, thực hành pháp luật cho học sinh, kết quả có chuyển biến tích cực, không có học sinh vi phạm tệ nạn xã hội [H31-5.5-01]; [H31-5.5-02]; [H1-1.1-02]; [H10-1.10-01].

Đạo đức, lối sống của học sinh từng bước được hình thành, phát triển phù hợp với pháp luật, phong tục tập quán địa phương và truyền thống văn hóa dân tộc

Việt Nam. Nhà trường đã xây dựng và triển khai hiệu quả quy tắc ứng xử văn hóa trong nhà trường. Học sinh có ý thức tốt trong việc bảo vệ của công, chăm sóc, giữ gìn vệ sinh môi trường; thực hiện tốt các quy định về cách ứng xử có văn hóa trong nhà trường, đoàn kết, thân ái, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện [H31-5.5-01]; [1.5-04]; [H9-1.9-05].

Mức 2:

Thông qua các hoạt động giáo dục, giáo viên hướng dẫn học sinh có kỹ năng hoạt động cá nhân, hoạt động cặp đôi, hoạt động nhóm; học sinh có kỹ năng trình bày, chia sẻ, phản biện ý kiến; biết tự đánh giá bản thân mình và nhận xét, đánh giá bạn cùng lớp trong học tập, rèn luyện [H31-5.5-01]; [H10-1.10-01]; [H14-2.4-09].

Qua hướng dẫn của giáo viên, học sinh từng bước biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống như: các em đã có được kỹ năng tự phục vụ; kỹ năng tự bảo vệ, kỹ năng tự quản, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn [5.5-03].

Mức 3:

Trường đã lựa chọn những giáo viên có chuyên môn, có kinh nghiệm tham gia hướng dẫn học sinh nghiên cứu, đồng thời cũng lựa chọn những học sinh am hiểu kiến thức, có khả năng nghiên cứu khoa học, công nghệ để thực hiện các dự án theo các lĩnh vực khác nhau, tuy nhiên do điều kiện đặc thù nên đạt hiệu quả chưa cao, sản phẩm dự thi hạn chế.

2. Điểm mạnh

Trường triển khai và thực hiện có hiệu quả việc giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh thông qua các hoạt động giáo dục.

Việc giáo dục, rèn kỹ năng sống cho học sinh của nhà trường đã tạo được chuyển biến tích cực trong sự phát triển hình thành nhân cách của học sinh, tạo được môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, vì thế chất lượng giáo dục toàn

diện của nhà trường ngày càng được nâng cao.

3. Điểm yếu

Các ý tưởng nghiên cứu khoa học kỹ thuật chưa phong phú. Chỉ có một vài học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ.

Một số học sinh các kỹ năng trong cuộc sống còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Trong những năm tiếp theo trường tiếp tục nghiên cứu, xây dựng kế hoạch giáo dục, rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh đáp ứng đầy đủ các yêu cầu, mục tiêu giáo dục hiện nay và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương, xã hội.

Lựa chọn đội ngũ giáo viên có năng lực hướng dẫn học sinh nghiên cứu khoa học, công nghệ để định hướng hướng dẫn học sinh tham gia các cuộc thi trong những năm tiếp theo.

Trường tiếp tục huy động các nguồn xã hội hóa giáo dục nhằm đầu tư kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học, công nghệ, từ đó có sản phẩm đạt chất lượng tốt hơn và phần đầu có học sinh đạt giải từ cấp huyện trở lên.

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-	-
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt mức 2.

Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục

Mức 1:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường;*

c) *Định hướng phân luồng cho học sinh đạt yêu cầu theo kế hoạch của nhà trường.*

Mức 2:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá;*

b) *Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp có chuyển biến tích cực trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá.*

Mức 3:

a) *Kết quả học lực, hạnh kiểm của học sinh:*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 20% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại giỏi của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 25% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc vùng khó khăn: Đạt ít nhất 30% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 20% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 55% đối với trường chuyên;*

- *Tỷ lệ học sinh xếp loại khá của trường thuộc các vùng còn lại: Đạt ít nhất*

35% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), 25% đối với trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 60% đối với trường chuyên;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc vùng khó khăn: không quá 10% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại yếu, kém của trường thuộc các vùng còn lại: không quá 05% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở) và trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông), trường chuyên không có học sinh yếu, kém;

- Đối với nhà trường có lớp tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 95%; tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học;

- Tỷ lệ học sinh xếp loại hạnh kiểm khá, tốt đạt ít nhất 90% đối với trường trung học cơ sở (hoặc cấp trung học cơ sở), trường trung học phổ thông (hoặc cấp trung học phổ thông) và 98% đối với trường chuyên.

b) Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban:

- Vùng khó khăn: Không quá 03% học sinh bỏ học, không quá 05% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học;

- Các vùng còn lại: Không quá 01% học sinh bỏ học, không quá 02% học sinh lưu ban; trường chuyên không có học sinh lưu ban và học sinh bỏ học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Hàng năm, tỷ lệ học sinh xếp loại học tập, rèn luyện (năng lực, phẩm chất) đạt yêu cầu chỉ tiêu kế hoạch của trường đề ra. Kết quả xếp loại học tập của học sinh

theo từng khối lớp dần được nâng lên theo từng năm học, học sinh được xếp loại học tập đạt (hoàn thành) trở lên trong 05 năm đạt 96% thể hiện ở sổ đánh giá học sinh. Trong các năm học gần đây, tỷ lệ học sinh tốt về rèn luyện, phẩm chất luôn đạt từ 60% trở lên như chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra [H32-5.6-01]; [H32-5.6-02]; [H32-5.6-03]; [H32-5.6-04]; [1.5-05]; [H7-1.7-01].

Hàng năm, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học, tốt nghiệp THCS luôn đạt 100% vượt mức yêu cầu của kế hoạch nhà trường [H32-5.6-03]; [H1-1.1-02]; [H14-2.4-05].

Trường đã thực hiện nhiều giải pháp định hướng nghề nghiệp, phân luồng học sinh lớp 9 sau tốt nghiệp THCS và học tiếp THPT hoặc tham gia học tập các lớp nghề sơ cấp, trung cấp [H32-5.6-05].

Mức 2:

Tính đến thời điểm đánh giá, kết quả học tập, rèn luyện của học sinh có chuyển biến tích cực được thể hiện trong thống kê kết quả về học tập, rèn luyện có chuyển biến tích cực trong 05 năm của nhà trường và báo cáo tổng kết các năm học [H32-5.6-02]; [H1-1.1-02].

Tỷ lệ học sinh lên lớp và tốt nghiệp THCS của trường trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2019 - 2020 đến hết năm học 2023 - 2024 luôn đạt chỉ tiêu đầu năm học đề ra [H32-5.6-02]; [H1-1.1-02]; [1.5-05]; [H14-2.4-05].

Mức 3:

Đối với cấp THCS, chất lượng học sinh cuối năm học 2023 - 2024 có sự tiến bộ. Sau khi đánh giá học sinh theo Công văn 1392/BGDĐT-GDTrH (đối với Chương trình VNEN) và Chương trình giáo dục phổ thông 2018 thì có 15 học sinh xếp loại giỏi về học tập (chiếm 8,3%); không có học sinh yếu, kém; 100% học sinh xếp loại phẩm chất, rèn luyện tốt, khá; không có học sinh bỏ học. Đối với cấp Tiểu học, tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 97,9% [H32-5.6-03]; [H32-5.6-04]; [H32-5.6-06]; [H32-5.6-07]. Tuy nhiên, tỷ lệ học sinh khá ở cấp THCS chỉ đạt 25,4%, tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình Tiểu học

chỉ đạt 72,3%.

2. Điểm mạnh

Hằng năm, hiệu quả hoạt động giáo dục của nhà trường đối với tỉ lệ học sinh lên lớp, tốt nghiệp Trung học cơ sở, hoàn thành chương trình iều học đạt hiệu quả cao. Trường không có tỉ lệ học sinh bỏ học đáp ứng được mục tiêu giáo dục.

3. Điểm yếu

Các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo tổ chức chưa nhiều và chưa có tác động thực sự đến việc rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Vẫn còn một số học sinh chưa tự giác rèn luyện nề nếp kỷ luật, thiếu chuyên cần.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Các năm học tiếp theo, nhà trường tiếp tục triển khai áp dụng các phương pháp dạy học tích cực, phù hợp với đối tượng học sinh nhà trường; dạy học phân hóa đối tượng, chú trọng việc bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kém để nâng cao kết quả học tập của học sinh bằng nhiều hình thức như: Bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn đối với giáo viên, xây dựng đội ngũ giáo viên nòng cốt, nhân rộng điển hình, tăng cường học hỏi kinh nghiệm ôn luyện của các trường bạn; xây dựng phong trào học tập tích cực, quan tâm đến việc rèn kỹ năng thực hành, kỹ năng tự nghiên cứu của học sinh; phối hợp với phụ huynh học sinh để quan tâm, động viên, tạo điều kiện cho học sinh học tập đạt hiệu quả cao.

Tiếp tục có biện pháp tích cực để giáo dục đạo đức học sinh, đặc biệt đối với học sinh chưa tự giác trong rèn luyện, học tập. Giáo viên chủ nhiệm, giáo viên bộ môn cùng với nhà trường và gia đình giáo dục tốt đạo đức cho học sinh. Giáo viên chủ nhiệm tăng cường trao đổi kinh nghiệm trong việc giáo dục đạo đức học sinh, thảo luận tìm biện pháp phù hợp cho từng học sinh.

5. Tự đánh giá

Mức 1	Mức 2	Mức 3
--------------	--------------	--------------

Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt	Chỉ báo (nếu có)	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-	-	-	-
Đạt		Đạt		Không đạt	

Đạt mức 2.

Kết luận về Tiêu chuẩn 5:

Điểm mạnh:

Trường thực hiện tốt chương trình, kế hoạch giáo dục. Trường chỉ đạo thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp dạy học, thực hiện các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện học sinh ở từng bậc học. Trường thực hiện tốt công tác định hướng phân luồng cho học sinh và công tác giúp đỡ học sinh yếu kém. Chất lượng các mặt giáo dục đáp ứng yêu cầu mục tiêu giáo dục của nhà trường.

Điểm yếu:

Các hoạt động trải nghiệm, sáng tạo tổ chức chưa nhiều và chưa có tác động thực sự đến việc rèn luyện kỹ năng sống cho học sinh. Vẫn còn một số học sinh chưa tự giác rèn luyện nề nếp kỷ luật, thiếu chuyên cần. Cần tăng cường hơn nữa công tác bồi dưỡng học sinh giỏi các môn lớp 9 và tham gia đầy đủ, có hiệu quả hơn các cuộc thi.

Số lượng tiêu chí đạt và không đạt yêu cầu:

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 1/4 - Tỉ lệ: 25%

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 3/4 - Tỉ lệ: 75%

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

1. Tiêu chí 1. Kế hoạch giáo dục của nhà trường có những nội dung được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định, phù hợp và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục.

Nhà trường xây dựng được kế hoạch giáo dục trong mỗi năm phù hợp với tình hình thực tế và kinh tế xã hội của địa phương. Tuy nhiên, nội dung kế hoạch chưa được tham khảo chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới theo quy định.

Tự đánh giá: Không đạt

2. Tiêu chí 2. Đảm bảo 100% cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu hoàn thành mục tiêu giáo dục dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, nhà trường đã tạo điều kiện cho các em vượt qua khó khăn. Tuy nhiên, cha mẹ học sinh các em có hoàn cảnh khó khăn nên chưa có sự quan tâm, chăm lo, tạo điều kiện cho các em được tham gia học tập tốt nhất.

Tự đánh giá: Không đạt

3. Tiêu chí 3. Nhà trường tại địa bàn vùng khó khăn có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn. Nhà trường các vùng còn lại có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, công nghệ và vận dụng kiến thức của các môn học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn được cấp thẩm quyền ghi nhận.

Nhà trường hiện tại chưa có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học vì điều kiện miền núi khó khăn.

Tự đánh giá: Không đạt

4. Tiêu chí 4. Thư viện có hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế. Thư viện có kết nối Internet băng thông rộng, có mạng không dây, đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

Thư viện nhà trường chưa có đầy đủ nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số, thư viện chưa đảm bảo hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

Tự đánh giá: Không đạt

5. Tiêu chí 5. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

Trong 05 năm gần đây, tập thể nhà trường rất cố gắng thực hiện nhiệm vụ và kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2020 - 2025 tầm nhìn đến năm 2030. Tuy nhiên, những mục tiêu đã đặt ra chưa thực hiện được đầy đủ. Cơ sở vật chất nhà trường chưa hoàn chỉnh.

Tự đánh giá: Không đạt

6. Tiêu chí 6. Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả giáo dục, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

Trong 05 năm gần đây, nhà trường có nhiều thành tích trong công tác giáo dục. Tuy nhiên các thành tích đạt được chưa cao, chưa thường xuyên.

Tự đánh giá: Không đạt

*** Kết luận**

Kế hoạch giáo dục mỗi năm học được nhà trường xây dựng phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và đơn vị. Học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu được nhà trường, quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ, bồi dưỡng.

Nội dung kế hoạch giáo dục của nhà trường gắn liền với sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương, xây dựng được tầm nhìn chiến lược dài hạn. Tuy nhiên, các nội dung chưa được tham khảo các chương trình giáo dục tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới. Nhà trường chưa có học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, chưa biết vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề trong thực tiễn. Nhà trường hoàn thành chưa trọn vẹn tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển, thành tích đạt được trong các năm học vừa qua còn thấp.

- Số tiêu chí đạt: 0/6 tiêu chí.

- Số tiêu chí không đạt: 6/6 tiêu chí.

Phần III**KẾT LUẬN CHUNG**

Tự đánh giá tiêu chí Mức 1:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 28/28 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/28 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 2:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 28/28 - Tỉ lệ: 100%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 0/28 - Tỉ lệ: 0%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 3:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 4/20 - Tỉ lệ: 20%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 16/20 - Tỉ lệ: 80%

Tự đánh giá tiêu chí Mức 4:

- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí đạt: 0/6 - Tỉ lệ: 0%
- Số lượng và tỉ lệ phần trăm các tiêu chí không đạt: 6/6 - Tỉ lệ: 100%

Mức đánh giá mà cơ sở giáo dục đạt được căn cứ theo Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT là: **Cấp độ 2.**

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ: **2**

Cơ sở giáo dục đề nghị đạt chuẩn quốc gia Mức độ: **1**

Sơn Tây, ngày 30 tháng 8 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

Phần IV
PHỤ LỤC

BẢNG DANH MỤC MÃ MINH CHỨNG

TIÊU CHUẨN 1: TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ TRƯỜNG

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu
Tiêu chí 1.1: <i>Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường</i>					
1	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cấp có thẩm quyền phê duyệt theo giai đoạn. Kế hoạch giám sát thực hiện phương hướng chiến lược.	Năm 2020, 2021	Trường, Phòng GD&ĐT	
2	[H1-1.1-02]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học.	5 năm	Trường	
3	[H1-1.1-03]	Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2020-2025.	Nhiệm kỳ	Đảng ủy xã	
4	[H1-1.1-04]	Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của ngành.	5 năm	HĐND xã	
5	[H1-1.1-05]	Nghị quyết Hội nghị viên chức của nhà trường.	5 năm	Trường	
6	[H1-1.1-06]	Sổ Nghị quyết của nhà trường.	5 năm	Trường	
7	[1.1-07]	Hình ảnh, tư liệu chứng minh nội dung chiến lược phát triển của nhà trường đã được đưa tin trên các phương tiện thông tin truyền thông (qua các thời kỳ).	Các năm	Trường	Website trường
8	[1.1-08]	Địa chỉ trang điện tử: http://ptdtbtthhcssonlongstay.quangngai.edu.vn	Năm 2023	Trường	Website trường

9	[H1-1.1-09]	Kế hoạch điều chỉnh, bổ sung phương hướng chiến lược.	Năm 2022	Trường	
Tiêu chí 1.2: <i>Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác</i>					
1	[H2-1.2-01]	Quyết định thành lập Hội đồng trường. Quyết định thành lập các Hội đồng, Ban, Tổ trong nhà trường: Thi đua - Khen thưởng, Tổ tư vấn tâm lý, Tổ quản lý bán trú, Chấm GVDG, GVCN lớp giỏi, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng xét tốt nghiệp.	Nhiệm kỳ	UBND huyện, Trường	
2	[H2-1.2-02]	Sổ Nghị quyết của Hội đồng trường.	5 năm	Hội đồng trường	
3	[H2-1.2-03]	Quy chế hoạt động của Hội đồng trường.	Nhiệm kỳ	HĐ trường	
4	[H2-1.2-04]	Kế hoạch hoạt động Hội đồng trường.	Nhiệm kỳ	HĐ trường	
5	[1.2-05]	Hồ sơ Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.	5 năm	Hiệu trưởng	Tủ hồ sơ Công đoàn
6	[H2-1.2-06]	Báo cáo sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng trường.	5 năm	HĐ trường	
Tiêu chí 1.3: <i>Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường</i>					
1	[1.3-01]	Quyết định thành lập Chi bộ đảng; Quyết định chuẩn y cấp uỷ Chi bộ nhà trường.	Nhiệm kỳ	Chi bộ	Tủ hồ sơ Chi bộ
2	[1.3-02]	Hồ sơ hoạt động của Chi bộ.	Nhiệm kỳ	Chi bộ	Tủ hồ sơ Chi bộ
3	[1.3-03]	Quy chế phối hợp giữa Chi bộ, chính quyền và các đoàn thể trong đơn vị.	Nhiệm kỳ	Chi bộ	Tủ hồ sơ Chi bộ
4	[H3-1.3-04]	Quyết định thành lập, chuẩn y Công đoàn.	Nhiệm kỳ	Công đoàn	
5	[H3-1.3-05]	Hồ sơ hoạt động của Công đoàn.	Hàng	Công	

			năm, nhiệm kỳ	đoàn	
6	[H3-1.3-06]	Quyết định thành lập Chi đoàn trường.	Nhiệm kỳ	Chi đoàn	
7	[H3-1.3-07]	Hồ sơ hoạt động của Chi đoàn.	Hàng năm, nhiệm kỳ	Chi đoàn	
8	[1.3-08]	Quyết định Tổng phụ trách Đội. Hồ sơ hoạt động của Liên đội.	Nhiệm kỳ	Liên đội	Phòng Đội
9	[H3-1.3-09]	Quyết định khen thưởng, giấy khen hoặc văn bản xếp loại cuối năm của các cấp đối với Chi bộ, Công đoàn, Chi đoàn, Liên đội.	Hàng năm	Trường	

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

1	[H4-1.4-01]	Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng, Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng.	Theo nhiệm kỳ	UBND huyện Sơn Tây	
2	[H4-1.4-02]	Quyết định về việc thành lập, kiện toàn các tổ chuyên môn, tổ văn phòng.	5 năm	Hiệu trưởng	
3	[H4-1.4-03]	Quyết định bổ nhiệm tổ trưởng, tổ phó chuyên môn, tổ trưởng văn phòng.	Các năm	Hiệu trưởng	
4	[1.4-04]	Hồ sơ hoạt động của các tổ chuyên môn.	5 năm	Tổ chuyên môn	Tủ hồ sơ tổ chuyên môn
5	[H4-1.4-05]	Hồ sơ SHCM theo nghiên cứu bài học. Các báo cáo chuyên đề.	Các năm	Tổ chuyên môn	
6	[H4-1.4-06]	Hồ sơ tổ văn phòng.	Các năm	Tổ văn phòng	
7	[H4-1.4-07]	Biên bản kiểm tra của cấp có thẩm quyền có nội dung liên quan.	Theo quyết định	Các đoàn thanh kiểm tra	

Tiêu chí 1.5: Lớp học

1	[1.5-01]	Sổ đăng bộ học sinh.	Khóa học	Phó hiệu	Phòng
---	----------	----------------------	----------	----------	-------

		Học bạ.		trưởng	Phó hiệu trưởng
2	[H5-1.5-02]	Kế hoạch mở lớp đầu năm.	5 năm	Hiệu trưởng	
3	[H5-1.5-03]	Danh bạ học sinh các khối lớp toàn trường.	5 năm	Văn thư	
4	[1.5-04]	Sổ chủ nhiệm.	5 năm	GVCN	Phòng Phó hiệu trưởng
5	[1.5-05]	Sổ theo dõi và đánh giá học sinh. Sổ tổng hợp đánh giá học sinh tiểu học.	5 năm	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
6	[1.5-06]	Phần mềm SMAS, CSDL.	Các năm	Trưởng	GV phụ trách phần mềm
7	[H5-1.5-07]	Danh sách GVCN các khối.	5 năm	Tổ chủ nhiệm	
8	[H5-1.5-08]	Danh sách Ban cán sự các khối lớp.	5 năm	GVCN	
9	[H5-1.5-09]	Biên bản bầu Ban cán sự lớp hằng năm hoặc văn bản của giáo viên chủ nhiệm lớp chỉ định lớp trưởng, lớp phó luân phiên hằng năm.	5 năm	GVCN	

Tiêu chí 1.6: *Quản lý hành chính, tài chính và tài sản*

1	[1.6-01]	Sổ theo dõi công văn đi, đến.	5 năm	Văn thư	Phòng văn thư
2	[H6-1.6-02]	Sổ quản lý theo dõi tài sản, thiết bị giáo dục.	Hàng năm	Trưởng	
3	[H6-1.6-03]	Biên bản kiểm kê tài sản (từng lớp, khu vực, toàn trường).	5 năm	Kế toán	
4	[H6-1.6-04]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác quản lý tài sản, thiết bị giáo dục.	5 năm	Kế toán	
5	[H6-1.6-05]	Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà	5 năm	Kế toán	

		trường.			
6	[H6-1.6-06]	Quyết định giao dự toán của cấp trên đối với đơn vị.	5 năm	Kế toán	
7	[H6-1.6-07]	Thuyết minh dự toán năm.	5 năm	Kế toán	
8	[1.6-08]	Hồ sơ quyết toán ngân sách cuối năm.	5 năm	Kế toán	Phòng kế toán
9	[H6-1.6-09]	Phần mềm quản lí hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường.	Hàng năm, giai đoạn	Kế toán	
10	[H6-1.6-10]	Sổ quỹ, sổ quản lí tài chính.	5 năm	Kế toán	
11	[H6-1.6-11]	Biên bản kiểm tra hoặc kết luận của cấp trên về việc thanh tra, kiểm tra tài chính của đơn vị,...) có đánh giá về các nội dung có liên quan.	Theo quyết định	Các cấp thanh tra, kiểm tra	
Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên					
1	[H7-1.7-01]	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường.	5 năm	Hiệu trưởng	
2	[H7-1.7-02]	Kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên.	Hàng năm, giai đoạn	Hiệu trưởng	
3	[H7-1.7-03]	Kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn của các tổ chuyên môn.	5 năm	Tổ chuyên môn	
4	[1.7-04]	Hồ sơ thực hiện BDTX của giáo viên.	5 năm	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
5	[1.7-05]	Sổ đăng bộ cán bộ, giáo viên, nhân viên. Hồ sơ cán bộ, giáo viên, nhân viên.	5 năm	Văn thư	Phòng văn thư
6	[H7-1.7-06]	Quyết định phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học.	5 năm	Hiệu trưởng	
7	[H7-1.7-07]	Bảng phân công chuyên môn giáo viên, thời khoá biểu.	5 năm	Phó hiệu trưởng	

8	[1.7-08]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra, đánh giá giáo viên, nhân viên).	5 năm	Trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
9	[1.7-09]	Bảng nhận chế độ lương và các chế độ phụ cấp khác của cán bộ, giáo viên, nhân viên.	5 năm	Kế toán	Phòng kế toán
10	[H7-1.7-10]	Quy chế hoạt động của nhà trường.	Giai đoạn	Trưởng	
11	[H1-1.1-02]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học.	5 năm	Trưởng	
Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục					
1	[H8-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường, tổ chuyên môn.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
2	[H8-1.8-02]	Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên môn.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
3	[1.8-03]	Sổ đầu bài.	5 năm	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
4	[H8-1.8-04]	Kế hoạch dạy bù chương trình.	Các năm	Phó hiệu trưởng	
5	[H1-1.1-06]	Sổ Nghị quyết của nhà trường.	5 năm	Trưởng	
6	[H4-1.4-07]	Biên bản kiểm tra của cấp có thẩm quyền có nội dung liên quan.	Theo quyết định	Các đoàn thanh kiểm tra	
7	[H7-1.7-07]	Bảng phân công chuyên môn giáo viên, thời khoá biểu.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
8	[1.7-08]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra, đánh giá giáo viên, nhân viên).	5 năm	Trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
9	[H7-1.7-10]	Quy chế hoạt động của nhà trường.	Giai đoạn	Trưởng	
Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở					
1	[H9-1.9-01]	Hồ sơ thực hiện công khai các hoạt động trong nhà trường.	5 năm	Trưởng	
2	[H9-1.9-02]	Quy chế dân chủ của nhà trường.	5 năm	Hiệu trưởng	

3	[H9-1.9-03]	Hồ sơ Hội nghị viên chức.	5 năm	Hiệu trưởng	
4	[H9-1.9-04]	Báo cáo hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân.	5 năm	Hiệu trưởng	
5	[H9-1.9-05]	Quy tắc ứng xử văn hóa công sở.	Giai đoạn	Hiệu trưởng	
6	[H9-1.9-06]	Báo cáo thực hiện quy chế dân chủ của nhà trường.	5 năm	Hiệu trưởng	
7	[1.9-07]	Bảng niêm yết công khai của nhà trường.	Các năm	Trưởng	Quan sát thực tế
8	[1.9-08]	Hòm thư góp ý.	Các năm	Trưởng	Quan sát thực tế
9	[H1-1.1-02]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học.	5 năm	Trưởng	
10	[H3-1.3-05]	Hồ sơ hoạt động của Công đoàn.	Hàng năm, nhiệm kỳ	Công đoàn	
11	[H7-1.7-10]	Quy chế hoạt động của nhà trường.	Giai đoạn	Trưởng	

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

1	[H10-1.10-01]	Các phương án, kế hoạch của nhà trường về thực hiện trường học an ninh trật tự, phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống các tệ nạn xã hội; An toàn giao thông, phòng, chống bạo lực nhà trường. Phương án phòng chống dịch bệnh, Covid 19.	5 năm	Hiệu trưởng	
2	[1.10-02]	Hồ sơ chăm sóc sức khỏe học sinh.	Các năm	Y tế học đường	Phòng Y tế
3	[1.10-03]	Hồ sơ phòng cháy, chữa cháy của nhà trường.	5 năm	Trưởng, CA huyện	Bộ phận cơ sở vật chất
4	[H10-1.10-04]	Quy chế phối hợp giữa nhà trường với công an xã về việc	5 năm	Hiệu trưởng,	

		đảm trật tự, an toàn trường học.		CA xã	
5	[H10-1.10-05]	Hợp đồng thực phẩm của đơn vị với cá nhân, tổ chức cung cấp thực phẩm.	Các năm	Hiệu trưởng	
6	[1.10-06]	Bếp ăn bán trú, nhà ăn bán trú của nhà trường.	Các năm	Trưởng	Quan sát thực tế
7	[H10-1.10-07]	Phiếu hỏi (lấy ý kiến) học sinh về hiện tượng kì thị, bạo lực, vi phạm về bình đẳng giới trong lớp, trường.	Các năm	GVCN	
8	[H10-1.10-08]	Kế hoạch, các bài viết tuyên truyền về bình đẳng giới; các tệ nạn xã hội.	Các năm	Trưởng	
9	[1.9-08]	Hòm thư góp ý.	Các năm	Trưởng	Quan sát thực tế
10	[H1-1.1-02]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học.	5 năm	Hiệu trưởng	
11	[H1-1.1-06]	Sở Nghị quyết của nhà trường.	5 năm	Trưởng	

TIÊU CHUẨN 2: CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN, NHÂN VIÊN

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu
Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng					
1	[H11-2.1-01]	Các bằng tốt nghiệp chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước, Tin học, Anh văn của Hiệu trưởng và các Phó hiệu trưởng.	Theo quyết định	Trưởng	
2	[H11-2.1-02]	Bảng thống kê đánh giá chuẩn nghề nghiệp và đánh giá xếp loại Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng hằng năm (hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng).	5 năm	Trưởng	

3	[H11-2.1-03]	Bảng thống kê đánh giá phân loại Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng hàng năm (hồ sơ đánh giá phân loại Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng).	5 năm	Trường	
4	[H11-2.1-04]	Văn bản triệu tập Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, lý luận chính trị.	Các năm, Theo quyết định	Các cấp	
5	[H11-2.1-05]	Biên bản lấy ý kiến của giáo viên, nhân viên góp ý kiến về công tác quản lý giáo dục nhà trường cho Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng.	5 năm	Trường	
Tiêu chí 2.2: Đối với giáo viên					
1	[H12-2.2-01]	Bảng thống kê số lớp, số học sinh, số giáo viên/lớp.	5 năm	Trường	
2	[H12-2.2-02]	Các bằng tốt nghiệp chuyên môn, Tin học, Anh văn của các giáo viên. Bảng tổng hợp trình độ đào tạo, chứng chỉ giáo viên.	Theo quyết định	Hồ sơ viên chức	
3	[H12-2.2-03]	Bảng tổng hợp đánh giá phân loại viên chức hàng năm (hồ sơ đánh giá, phân loại viên chức).	5 năm	Trường	
4	[H12-2.2-04]	Bảng tổng hợp đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên (hồ sơ đánh giá chuẩn nghề nghiệp giáo viên).	5 năm	Trường	
5	[H12-2.2-05]	Danh sách giáo viên toàn trường có thông tin về trình độ chuyên môn.	5 năm	Trường	
6	[H12-2.2-06]	Các quyết định khen thưởng, quyết định công nhận (CSTĐ, GVDG, LĐTT), giấy chứng nhận của các cấp có thẩm quyền. Thống kê kết quả khen thưởng về các phong trào thi đua, khen thưởng cuối năm học của giáo viên.	5 năm	Các cấp	

7	[H12-2.2-07]	Văn bản triệu tập giáo viên tham dự các lớp tập huấn, chấm thi cấp huyện, tỉnh.	Các năm, Theo quyết định	Các cấp	
8	[2.2-08]	Bảng tổng hợp đề tài, sáng kiến được công nhận của giáo viên (có quyết định công nhận). Hồ sơ sáng kiến.	5 năm	Trường	Tủ hồ sơ công đoàn
9	[1.2-05]	Hồ sơ Hội đồng Thi đua - Khen thưởng.	5 năm	Hiệu trưởng	
10	[H30-5.4-01]	Hồ sơ các hoạt động trải nghiệm.	5 năm	TPT	
11	[H30-5.4-02]	Hồ sơ hướng nghiệp.	5 năm	Hiệu trưởng	

Tiêu chí 2.3: Đối với nhân viên

1	[H13-2.3-01]	Danh sách nhân viên của nhà trường có thông tin về trình độ đào tạo (kể cả hợp đồng hằng năm).	5 năm	Trường	
2	[H13-2.3-02]	Bảng thống kê đánh giá phân loại nhân viên (hồ sơ đánh giá phân loại nhân viên).	Các năm	Trường	
3	[2.3-03]	Hồ sơ y tế học đường.	Các năm	Nhân viên y tế	Phòng Y tế
4	[H13-2.3-04]	Văn bản, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ của nhân viên. Bảng thống kê (văn bản, chứng chỉ, đào tạo) nhân viên.	Theo quyết định	Hồ sơ nhân viên	
5	[H13-2.3-05]	Văn bản triệu tập nhân viên tham dự các lớp bồi dưỡng, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ.	Các năm	Trường	
6	[H4-1.4-02]	Quyết định về việc thành lập, kiện toàn các tổ chuyên môn, tổ văn phòng.	5 năm	Hiệu trưởng	
7	[H4-1.4-06]	Hồ sơ tổ văn phòng.	Các năm	Tổ văn phòng	

8	[H7-1.7-06]	Quyết định phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học.	5 năm	Hiệu trưởng	
9	[1.7-08]	Hồ sơ kiểm tra nội bộ (kiểm tra, đánh giá giáo viên, nhân viên).	5 năm	Trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
Tiêu chí 2.4: Đối với học sinh					
1	[H14-2.4-01]	Hồ sơ tuyển sinh lớp 1, lớp 6.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
2	[H14-2.4-02]	Bảng thống kê độ tuổi học sinh.	5 năm	Trưởng	
3	[H14-2.4-03]	Sổ theo dõi học sinh chuyển đi, chuyển đến.	Các năm	Trưởng	
4	[2.4-04]	Hồ sơ tư vấn tâm lý học đường.	Các năm	Trưởng	Phòng tư vấn tâm lý
5	[H14-2.4-05]	Hồ sơ xét tốt nghiệp THCS.	5 năm	Trưởng	
6	[H14-2.4-06]	Hồ sơ xét hoàn thành chương trình Tiểu học.	5 năm	Trưởng	
7	[2.4-07]	Hồ sơ thực hiện các chế độ chính sách cho học sinh.	5 năm	Kế toán	Phòng kế toán
8	[2.4-08]	Hình ảnh minh chứng việc thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của học sinh.	5 năm	Trưởng	Website trường
9	[H14-2.4-09]	Hồ sơ tổ quản lý bán trú.	Các năm	Tổ quản lý bán trú	
10	[H14-2.4-10]	Bảng thống kê thành tích học tập, rèn luyện và các phong trào thi đua của học sinh (kèm giấy khen các cấp). Quyết định khen thưởng học sinh có thành tích trong học tập và rèn luyện; học sinh giỏi các cấp.	Các năm	Trưởng	
11	[1.5-01]	Sổ đăng bộ học sinh. Học bạ.	Khóa học	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng

12	[H5-1.5-03]	Danh bạ học sinh các khối lớp toàn trường.	5 năm	Văn thư	
13	[1.5-04]	Sổ chủ nhiệm.	5 năm	GVCN	Phòng Phó hiệu trưởng
14	[1.5-05]	Sổ theo dõi và đánh giá học sinh. Sổ tổng hợp đánh giá học sinh tiểu học.	5 năm	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
15	[1.5-06]	Phần mềm SMAS, CSDL.	Các năm	Trưởng	GV phụ trách phần mềm
16	[1.8-03]	Sổ đầu bài.	5 năm	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng

TIÊU CHUẨN 3: CƠ SỞ VẬT CHẤT VÀ THIẾT BỊ DẠY HỌC

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu
Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, khu sân chơi, bãi tập					
1	[H15-3.1-01]	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thông báo giao đất cho nhà trường (các khu vực).	Giai đoạn	Các cấp	
2	[H15-3.1-02]	Hồ sơ thiết kế xây dựng của nhà trường (sơ đồ tổng thể, xây dựng tường rào, cổng ngõ...).	Giai đoạn	Các cấp, các đơn vị thi công	
3	[3.1-03]	Cổng trường, biển tên trường, khuôn viên nhà trường xanh, sạch, đẹp.	Năm 2024	Trưởng	Quan sát thực tế
4	[3.1-04]	Khu sân chơi, bãi tập có thiết bị phục vụ luyện tập.	Năm 2024	Trưởng	Quan sát thực tế

Tiêu chí 3.2: Phòng học, phòng học bộ môn và khối phục vụ học tập					
1	[H16-3.2-01]	Sơ đồ tổng thể của nhà trường.	Năm 2024	Trường	
2	[3.2-02]	Phòng học, phòng bộ môn, phòng Đoàn - Đội, phòng thư viện, phòng truyền thống.	Năm 2024	Trường	Quan sát thực tế
3	[H16-3.2-03]	Thống kê về cơ sở vật chất lớp học của nhà trường hàng năm.	5 năm	Trường	
4	[H16-3.2-04]	Biên bản kiểm tra tài sản, cơ sở vật chất hàng năm.	5 năm	Bộ phận quản lý cơ sở vật chất	
5	[H16-3.2-05]	Danh mục trang thiết bị các phòng bộ môn. Hồ sơ phòng bộ môn.	Các năm	Trường	
Tiêu chí 3.3: Khối hành chính - quản trị					
1	[3.3-01]	Các phòng hành chính quản trị.	Năm 2024	Trường	Quan sát thực tế
2	[3.3-02]	Nhà để xe của giáo viên và học sinh.	Năm 2024	Trường	Quan sát thực tế
3	[H17-3.3-03]	Hồ sơ đề nghị sửa chữa, bổ sung các thiết bị hàng năm.	5 năm	Trường	
4	[3.3-04]	Khu nhà bếp, nhà ăn của nhà trường.	Năm 2024	Trường	Quan sát thực tế
5	[H6-1.6-05]	Quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.	5 năm	Kế toán	
Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước					
1	[3.4-01]	Khu vệ sinh của học sinh và giáo viên.	Năm 2024	Trường	Quan sát thực tế
2	[3.4-02]	Hệ thống nước sạch.	Năm 2024	Trường	Quan sát thực tế
3	[H18-3.4-03]	Biên bản kiểm tra của cơ quan y tế về nước sạch.	Các năm	Các cấp	
4	[H18-3.4-04]	Hồ sơ thu gom, xử lý rác.	Các năm	Các cấp	
Tiêu chí 3.5: Thiết bị					

1	[H19-3.5-01]	Danh mục thiết bị, đồ dùng dạy học của nhà trường.	5 năm, giai đoạn	Trưởng	
2	[H19-3.5-02]	Biên bản kiểm kê các thiết bị hàng năm.	5 năm	Trưởng	
3	[H19-3.5-03]	Bảng thống kê các thiết bị được sửa chữa hằng năm.	5 năm	Trưởng	
4	[H19-3.5-04]	Hóa đơn sửa chữa các thiết bị.	Các năm	Trưởng	
5	[H19-3.5-05]	Hóa đơn hoặc hợp đồng mua đồ dùng, thiết bị dạy học hàng năm (hợp đồng).	Các năm	Trưởng	
6	[H19-3.5-06]	Hợp đồng kết nối mạng Internet.	Giai đoạn	Trưởng	
7	[H19-3.5-07]	Hóa đơn thanh toán tiền Internet hàng tháng của nhà trường.	5 năm	Trưởng	
8	[H19-3.5-08]	Sổ theo dõi mượn thiết bị dạy các tiết thực hành giáo dục.	5 năm	Trưởng	
9	[H6-1.6-02]	Sổ quản lý theo dõi tài sản, thiết bị giáo dục.	Hàng năm	Trưởng	
10	[H16-3.2-04]	Biên bản kiểm tra tài sản, cơ sở vật chất hằng năm.	5 năm	Bộ phận quản lý CSVC	
11	[H16-3.2-05]	Danh mục trang thiết bị các phòng bộ môn. Hồ sơ phòng bộ môn.	Các năm	Trưởng	
Tiêu chí 3.6: Thư viện					
1	[H20-3.6-01]	Hồ sơ quản lý thư viện.	Các năm	Trưởng	
2	[H20-3.6-02]	Kế hoạch, quy chế hoạt động, các loại báo cáo của thư viện.	Các năm	Trưởng	
3	[H20-3.6-03]	Báo cáo sơ kết, tổng kết về công tác thư viện.	Các năm	Trưởng	
4	[H20-3.6-04]	Hồ sơ đề nghị kiểm tra công nhận thư viện đạt chuẩn.	Năm 2024	Trưởng	
5	[H19-3.5-02]	Biên bản kiểm kê các thiết bị hàng năm.	5 năm	Trưởng	

TIÊU CHUẨN 4: QUAN HỆ GIỮA NHÀ TRƯỜNG, GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu
Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh					
1	[H21-4.1-01]	Biên bản họp bầu Ban đại diện CMHS lớp hằng năm, biên bản họp CMHS lớp hàng năm.	5 năm	GVCN	
2	[H21-4.1-02]	Biên bản Hội nghị Ban đại diện CMHS.	5 năm	Trưởng	
3	[H21-4.1-03]	Quyết định thành lập Ban đại diện CMHS trường hằng năm. Danh sách Ban đại diện CMHS các lớp, trường.	5 năm	Hiệu trưởng	
4	[H21-4.1-04]	Kế hoạch hoạt động của Ban đại diện CMHS.	5 năm	BĐD CMHS	
5	[H21-4.1-05]	Quy chế phối hợp giữa Ban đại diện CMHS và nhà trường.	5 năm	Hiệu trưởng	
6	[H21-4.1-06]	Báo cáo hoạt động của Ban đại diện CMHS.	5 năm	BĐD CMHS	
7	[H21-4.1-07]	Biên bản họp vận động học sinh ra lớp giữa trường và Ban đại diện CMHS.	5 năm	Trưởng	
Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường					
1	[H22-4.2-01]	Các văn bản của nhà trường tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để thực hiện kế hoạch giáo dục.	5 năm	Trưởng	
2	[H22-4.2-02]	Hồ sơ Hội nghị giáo dục xã (báo cáo, chương trình, biên bản).	5 năm	UBND xã	
3	[H22-4.2-03]	Sổ vàng, danh sách các tổ chức, cá nhân hỗ trợ tài chính, cơ sở	5 năm	Trưởng	

		vật chất.			
4	[4.2-04]	Các hình ảnh, tư liệu về hoạt động lễ hội, sự kiện mừng Đảng, mừng xuân hàng năm; sự kiện truyền thông tảo hôn, tệ nạn xã hội, chăm sóc nghĩa trang, tặng quà gia đình thương binh.	5 năm	Trường	Website trường
5	[H22-4.2-05]	Quyết định công nhận cơ quan văn hóa.	Giai đoạn	UBND huyện Sơn Tây	
6	[H1-1.1-01]	Kế hoạch chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường cấp có thẩm quyền phê duyệt theo giai đoạn. Kế hoạch giám sát thực hiện phương hướng chiến lược.	Năm 2020, 2021	Trường, Phòng GD&ĐT	
7	[H10-1.10-04]	Quy chế phối hợp giữa nhà trường với công an xã về việc đảm trật tự, an toàn trường học.	5 năm	Hiệu trưởng, CA xã	
8	[H21-4.1-01]	Biên bản họp bầu Ban đại diện CMHS lớp hàng năm, biên bản họp CMHS lớp hàng năm.	5 năm	Hiệu trưởng	

TIÊU CHUẨN 5: HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

TT	Mã minh chứng	Tên minh chứng	Số, ngày ban hành hoặc thời điểm khảo sát, điều tra, phỏng vấn, quan sát	Nơi ban hành hoặc người thực hiện	Nơi lưu
Tiêu chí 5.1: <i>Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông</i>					
1	[H23-5.1-01] [H24-5.1-01]	Kế hoạch giáo dục của giáo viên.	5 năm	Giáo viên	
2	[5.1-02]	Biên bản họp góp ý tiết dạy cho giáo viên của Ban giám hiệu, tổ trưởng chuyên môn.	5 năm	Phó hiệu trưởng, Tổ trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng và các tổ CM

3	[H25-5.1-03]	Hồ sơ đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
4	[5.1-04]	Sổ ghi chép nội dung sinh hoạt chuyên môn và dự giờ.	5 năm	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
5	[5.1-05]	Hồ sơ kiểm tra học kì (kế hoạch, đề kiểm tra, bài kiểm tra...).	5 năm	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
6	[5.1-06]	Hồ sơ phổ cập Tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập THCS.	5 năm	Ban chỉ đạo	Tủ hồ sơ Phổ cập
7	[5.1-07]	Hồ sơ Hội đồng chấm chọn GVDG, GVCN giỏi cấp trường.	Các năm	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
8	[H25-5.1-08]	Danh sách học sinh có năng khiếu và học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện.	Các năm	Phó hiệu trưởng	
9	[H26-5.1-09] [H27-5.1-09]	Hồ sơ lựa chọn sách giáo khoa và báo cáo thực hiện chương trình GDPT 2018.	Các năm	Phó hiệu trưởng	
10	[H1-1.1-06]	Sổ Nghị quyết của nhà trường.	5 năm	Trưởng	
11	[H2-1.2-02]	Sổ Nghị quyết của Hội đồng trường.	5 năm	Hội đồng trường	
12	[1.5-05]	Sổ theo dõi và đánh giá học sinh. Sổ tổng hợp đánh giá học sinh tiểu học.	5 năm	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
13	[H7-1.7-01]	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường.	5 năm	Hiệu trưởng	
14	[H7-1.7-07]	Bảng phân công chuyên môn giáo viên, thời khoá biểu.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
15	[H8-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường, tổ chuyên môn.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
16	[H8-1.8-02]	Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên môn.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
17	[1.8-03]	Sổ đầu bài.	5 năm	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng

Tiêu chí 5.2: Tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh có năng khiếu, học sinh gặp khó khăn trong học tập và rèn luyện					
1	[H28-5.2-01]	Kế hoạch giáo dục hòa nhập.	Các năm	Trưởng	
2	[H28-5.2-02]	Kế hoạch giáo dục học sinh có hoàn cảnh khó khăn.	Các năm	Trưởng	
3	[H28-5.2-03]	Kế hoạch phụ đạo học sinh yếu.	5 năm	Trưởng	
4	[H28-5.2-04]	Hồ sơ bồi dưỡng, thi học sinh giỏi.	5 năm	Trưởng	
5	[H28-5.2-05]	Hồ sơ các CLB Tiếng anh, Cầu lông, Nghệ thuật.	Các năm	Các CLB	
6	[H28-5.2-06]	Giấy khen học sinh đạt giải trong các hội thi.	Các năm	Trưởng	
7	[1.5-04]	Sổ chủ nhiệm.	5 năm	GVCN	Phòng Phó hiệu trưởng
8	[H8-1.8-01]	Kế hoạch giáo dục của nhà trường, tổ chuyên môn.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
9	[H8-1.8-02]	Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên môn.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
10	[2.2-08]	Bảng tổng hợp đề tài, sáng kiến được công nhận của giáo viên (có quyết định công nhận). Hồ sơ sáng kiến.	5 năm	Trưởng	Tủ hồ sơ công đoàn
Tiêu chí 5.3: Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo quy định					
1	[H29-5.3-01]	Kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương Quảng Ngãi.	Các năm	Hiệu trưởng	
2	[H29-5.3-02]	Kế hoạch bài dạy thực hiện nội dung giáo dục địa phương các môn cấp THCS và cấp Tiểu học.	Các năm	GVBH	
3	[5.3-03]	Đề kiểm tra giáo dục địa phương.	Các năm	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu trưởng
4	[1.5-04]	Sổ chủ nhiệm.	5 năm	GVCN	Phòng Phó hiệu trưởng

5	[H8-1.8-02]	Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên môn.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.4: Các hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp					
1	[H30-5.4-01]	Hồ sơ các hoạt động trải nghiệm.	5 năm	TPT	
2	[H30-5.4-02]	Hồ sơ hướng nghiệp.	5 năm	Hiệu trưởng	
3	[5.4-03]	Hình ảnh về hoạt động trải nghiệm của học sinh (chăm sóc, viếng hương nghĩa trang liệt sĩ, các hoạt động ngoại khóa, tư vấn hướng nghiệp,...).	Các năm	Trưởng	Website trường
4	[H7-1.7-06]	Quyết định phân công nhiệm vụ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên năm học.	5 năm	Hiệu trưởng	
5	[H7-1.7-07]	Bảng phân công chuyên môn giáo viên, thời khoá biểu.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
6	[H8-1.8-02]	Báo cáo sơ kết, tổng kết chuyên môn.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
Tiêu chí 5.5: Hình thành, phát triển các kỹ năng sống cho học sinh					
1	[H31-5.5-01]	Kế hoạch giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, kế hoạch ngoài giờ lên lớp.	5 năm	Hiệu trưởng	
2	[H31-5.5-02]	Hồ sơ trường học thân thiện, học sinh tích cực.	5 năm	Hiệu trưởng	
3	[5.5-03]	Hình ảnh về hoạt động giáo dục kỹ năng sống: tuyên truyền, thực hành, lao động, báo cáo kết quả học tập, thuyết trình, hoạt động ngoài giờ lên lớp.	5 năm	Trưởng	Website trường
4	[H1-1.1-02]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học.	5 năm	Hiệu trưởng	
5	[1.5-04]	Sổ chủ nhiệm.	5 năm	GVCN	Phòng Phó hiệu trưởng
6	[H9-1.9-05]	Quy tắc ứng xử văn hóa công sở.	Giai đoạn	Hiệu trưởng	

7	[H10-1.10-01]	Các phương án, kế hoạch của nhà trường về thực hiện trường học an ninh trật tự, phòng, chống tai nạn thương tích; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống các tệ nạn xã hội; An toàn giao thông, phòng, chống bạo lực nhà trường. Phương án phòng chống dịch bệnh, Covid 19.	5 năm	Hiệu trưởng	
8	[2.4-04]	Hồ sơ tư vấn tâm lí học đường.	Các năm	Trưởng	Phòng tư vấn tâm lý
9	[H14-2.4-09]	Hồ sơ tổ quản lý bán trú.	Các năm	Tổ quản lí bán trú	
Tiêu chí 5.6: Kết quả giáo dục					
1	[H32-5.6-01]	Bảng thống kê kết quả xếp loại học tập, rèn luyện (năng lực, phẩm chất theo chương trình VNEN) của học sinh.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
2	[H32-5.6-02]	Bảng thống kê kết quả học tập, rèn luyện (năng lực, phẩm chất theo chương trình VNEN) 5 năm liên tục có sự chuyển biến tích cực.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
3	[H32-5.6-03]	Tổng hợp kết quả học sinh lên lớp và tốt nghiệp.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
4	[H32-5.6-04]	Sổ theo dõi chất lượng dạy và học toàn trường.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
5	[H32-5.6-05]	Biên bản tư vấn phân luồng học sinh cuối cấp.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
6	[H32-5.6-06]	Thống kê học sinh có học lực khá, giỏi.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
7	[H32-5.6-07]	Thống kê học sinh lưu ban, bỏ học.	5 năm	Phó hiệu trưởng	
8	[H1-1.1-02]	Báo cáo sơ kết, tổng kết năm học.	5 năm	Văn thư	
9	[1.5-05]	Sổ theo dõi và đánh giá học sinh.	5 năm	Phó hiệu trưởng	Phòng Phó hiệu

		Số tổng hợp đánh giá học sinh tiểu học.			trưởng
10	[H7-1.7-01]	Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường.	5 năm	Hiệu trưởng	
11	[H14-2.4-05]	Hồ sơ xét tốt nghiệp THCS.	5 năm	Trưởng	

Lưu ý: Mã in đậm là đường dẫn qua tiêu chí khác.